

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 435/2025/HS-PT

Ngày: 20/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Ngô Quang Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 281/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn S và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Văn S; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 2002; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trần Văn H; Sinh năm 1970 (Đã chết), con bà: Lê Thị X; Sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B; có mặt.

2. Lương Anh N; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2003. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Q, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Lương Văn T; Sinh năm 1980. Con bà: Lô Thị T1; Sinh năm 1981. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2023 đến ngày 29/12/2023 được tại ngoại; có mặt.

3. Đỗ Văn T2; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 15 tháng 11 năm 2005. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đ, thôn T, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Đỗ Văn T3; Sinh năm 1972. Con bà: Nguyễn Thị H1; Sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Trịnh Tứ H2; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 23 tháng 8 năm 2006. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Trịnh Văn S1; Sinh năm 1970. Con bà: Đinh Thị H3; Sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Vũ Tiến D; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2001. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Vũ Văn D1; Sinh năm 1966. Con bà: Nguyễn Thị H4; Sinh năm 1966; Vợ, con: Mông Thị Thanh T4 có 1 con sinh 27/4/2025. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 06/02/2024 được tại ngoại; có mặt.

6. Trần Văn Đ; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1998. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Trần Văn T5; Sinh năm 1970. Con bà: Nguyễn Thị O; Sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Nhân thân: Ngày 05/02/2020, Công an huyện M, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 06/02/2024. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. Đinh Minh H5; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2001. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tái định cư, Thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Đinh Văn T6; Sinh năm 1957. Con bà: Nguyễn Thị T7; Sinh năm 1968. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 29/12/2023. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

8. Trần Đức K; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2001. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã A, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Trần Văn H6; Sinh năm 1979. Con bà: Nguyễn Thị H7; Sinh năm 1983. Vũ Mai A sinh năm 2002; có 01 con sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Nhân thân: Ngày 16/6/2018, Công an huyện M, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 22/12/2023. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

9. Trần Trung H8; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2001. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã A, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: không. Con ông: Trần Văn O1; Sinh năm 1976. Con bà: Nguyễn Thị N1; Sinh năm 1978. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Nhân thân: Ngày 05/02/2020, Công an huyện M, TP Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 22/12/2023 tại ngoại; có mặt.

10. Lò Duy V; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 19 tháng 12 năm 2006. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản Ló, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: không. Con ông: Lò Văn hiền; Sinh năm 1972. Con bà: Quàng Thị L; Sinh năm 1975. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

11. Nguyễn Đức H9; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 28 tháng 10 năm 2006. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện Ú, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Nguyễn Đức C; Sinh năm 1983. Con bà: Nguyễn Thị T8; Sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023 được tại ngoại. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Bùi Thị Thúy H10; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 11 tháng 5 năm 2006. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, Thôn V, xã H, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Không. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Con ông: Bùi Văn C1; Sinh năm 1985. Con bà: Chu Thị H11; Sinh năm 1984. Chồng, con:

Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

13. Nguyễn Thị Hà P; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 12 tháng 9 năm 2006. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đ, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện M, TP Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông: Nguyễn Văn B; (đã chết). Con bà: Đinh Thị L1; Sinh năm 1985. Chồng, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 04/8/2023 đến ngày 12/8/2023 tại ngoại; có mặt.

* **Bị hại:** Chị Nguyễn Hương G, sinh năm 2001; trú tại: số C, ngách D N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo:**

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T2: Bà Nguyễn Thị Như Q - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Anh N: Bà Giáp Thị H12 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H9: Ông Hoàng Trọng N2 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Tứ H2: Bà Nguyễn Thị Như Q và bà Nguyễn Thị M - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; bà M vắng mặt, bà Q có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Duy V: Bà Nguyễn Thị Như Q - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hà P: Bà Thân Thị Thúy V1 và bà Nguyễn Hải L2 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; đều có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Thúy H10: Bà Thân Thị Thúy V1 và bà Nguyễn Hải L2 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

* **Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Văn T2, Trịnh Tứ H2, Nguyễn Đức H9, Lò Duy V, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Thị Hà P do Tòa án chỉ định:** Luật sư Đinh Thị Kim T9 - Công ty L20 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo Lương Anh N do Tòa án chỉ định:** Luật sư Nguyễn Thị L3 - Văn phòng luật sư Dương Minh N3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn T2 do Tòa án chỉ định:** Luật sư Nguyễn Văn Q1 - Công ty L21 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Tứ H2 do Tòa án chỉ định:** Luật sư Ngọc Thị V2 - Công ty L22 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H9 do Tòa án chỉ định:** Luật sư Ngô Văn C2 - Văn phòng Luật sư C2 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lò Duy V do Tòa án chỉ định:** Luật sư Nguyễn Văn Q1 - Công ty L21 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Thúy H10 do Tòa án chỉ định:** Luật sư Nguyễn Văn H13 - Văn phòng L23 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hà P do Tòa án chỉ định:** Luật sư Vũ Bá C3 - Văn phòng L23 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn S và Trần Trung H8:** Luật sư Nguyễn Văn V3 và luật sư Trần Thị Hải H14 - Công ty L24 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng A, số A lô B, tiểu khu đô thị Nam L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Vũ Tiến D:** Luật sư Nguyễn Thành L4 - Công ty L25 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số A Cầu Đ, H, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

*** Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:**

- Người đại diện cho bị cáo Đỗ Văn T2: Ông Đỗ Văn T3, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đ, thôn T, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; ông T3 vắng mặt, bà H1 có mặt.

- Người đại diện cho bị cáo Trịnh Tứ H2: Ông Trịnh Văn S2, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị H3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Người đại diện cho bị cáo Nguyễn Đức H9: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Ú, thành phố Hà Nội; ông C có mặt, bà T8 vắng mặt.

- Người đại diện cho bị cáo Lò Duy V: Ông Lò Văn H15, sinh năm 1972 và bà Quảng Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; đều vắng mặt.

- Người đại diện cho bị cáo Bùi Thị Thúy H10: Ông Bùi Văn C1, sinh năm 1985 và bà Chu Thị H11, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Người đại diện cho bị cáo Nguyễn Thị Hà P: Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Đ, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

**** Đại diện chính quyền địa phương:***

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện Ú, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác và bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang tiếp nhận tố giác về tội phạm của chị Vũ Thị T10, sinh năm 2003 trú tại thôn S, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang và chị Hoàng Tú H16, sinh năm 1988, trú tại số nhà A, ngõ A, đường Đ, phường L, thành phố B tố giác nhóm đối tượng giả danh cán bộ ngân hàng gọi điện thoại tư vấn các gói vay tiền với lãi suất thấp, khoản tiền vay được giải ngân nhanh rồi yêu cầu chị T10, chị H16 chuyển tiền phí giải ngân, tiền bảo hiểm khoản vay vào tài khoản do nhóm đối tượng này cung cấp rồi chiếm đoạt của chị T10 số tiền 24.020.000 đồng và của chị H16 1.000.000 đồng.

Quá trình xác minh, Cơ quan điều tra xác định: Trần Văn S, sinh năm 2002; Trần Văn Đ, sinh năm 1998; Nguyễn Bá T11, sinh năm 2004; Trần Văn M1, sinh năm 2002 và Trần Văn T12, sinh năm 2004 đều thường trú tại thôn A, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; Trần Long V4, sinh năm 2002; Trần Đức K, sinh năm 2001 đều trú tại thôn V, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội là các đối tượng cầm đầu trong đường dây lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên.

Ngày 04/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phối hợp cùng phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh B, Công an huyện G, thành phố Hà Nội đồng loạt triệu tập và ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với Trần Văn S; Trần Văn Đ; Nguyễn Bá T11; Trần Long V4; Trần Văn M1; Trần Đức K; Trần Văn T12 cùng đồng bọn.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn S; Trần Văn Đ; Nguyễn Bá T11; Trần Long V4; Trần Văn M1; Trần Đức K; Trần Văn T12 và các đối tượng đồng phạm đã có đơn xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của chị T10, chị H16 và của nhiều bị hại ở nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Khám xét chỗ ở của các nhóm đối tượng Trần Văn S; Trần Long V4; Trần Văn M1; Nguyễn Bá T11; Trần Văn Đ; Trần Thanh T13; Trần Đức K; Trần Trung H8 - Đỗ Văn H17 đang thuê tại các căn hộ Chung cư V ở xã Đ, huyện G, TP Hà Nội và các đối tượng liên quan, thu giữ đồ vật, tài sản gồm:

*** Nhóm Trần Văn S:**

- 07 (bảy) màn hình máy tính; 06 case máy tính các loại; 01 ổ cứng; 06 thiết bị thu, phát W, 4G; 20 thẻ SIM, khung thẻ SIM và pin SIM điện thoại; 05 thẻ ngân hàng; 10 điện thoại di động các loại; 01 túi sách (dạng túi đeo chéo).

- 03 (ba) căn cước công dân (mang tên Nguyễn Chí T14; Trần Thị Thu H18; Lương Anh N).

- Tổng số tiền: 76.500.000 đồng (gồm 5.000.000 đồng do Trần Thị Thu H18 giao nộp; 11.000.000 đồng thu giữ khi khám xét nơi ở của Trần Văn S; 50.000.000 đồng do bà Lê Thị X giao nộp khắc phục hậu quả cho Trần Văn S; 10.500.000 đồng do ông Bạch Thanh H19 bỏ để của Bạch Bảo H20 làm thuê trong nhóm Trần Văn S giao nộp).

*** Nhóm Trần Long V4:**

- 04 (bốn) màn hình máy tính; 05 case máy tính màu trắng; 07 bàn phím máy tính; 05 thiết bị thu, phát W, 4G; 01 (một) chuột máy tính; 03 thẻ ngân hàng; 10 SIM các loại; 04 vỏ SIM; 10 điện thoại di động

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Lê Văn C4; 02 (hai) thẻ CCCD Trần Long V4 và Bùi Thị Thanh P1;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125I, BKS: 29Y1-64683; 01 Giấy bán xe, người viết Nguyễn Hoàng N4 và 01 Đăng ký xe BKS: 29Y1-64683 mang tên Nguyễn Hoàng N4 (xe của Trần Long V4).

- Tổng số tiền 129.072.000 đồng (gồm: 872.000 đồng thu giữ của Trần Long V4; 4.200.000 đồng thu giữ của Lê Văn C4; 24.000.000 đồng do anh Lê Văn B1 là anh ruột của Lê Văn C4 nộp khắc phục hậu quả; 100.000.000 đồng do ông Trần Tiến D2 giao nộp khắc phục hậu quả cho Trần Long V4).

*** Nhóm Trần Văn M1:** 05 case máy tính; 05 màn hình máy tính; 05 thiết bị thu, phát W, 4G; 11 (mười một) sim điện thoại; 07 điện thoại di động các loại.

*** Nhóm Nguyễn Bá T11:** 03 (ba) case máy tính; 03 màn hình máy tính; 02 bàn phím; 03 chuột máy tính; 04 thiết bị thu, phát W, 4G; 04 thẻ tài khoản Ngân hàng các loại; 16 SIM điện thoại; 05 căn cước công dân (mang tên Nguyễn Bá T11; Đặng Vi C5; Bùi Thùy D3; Bùi Văn M2; Nguyễn Ngọc T15); 08 điện thoại Iphone các loại.

*** Nhóm Trần Văn Đ:**

- 05 (năm) màn hình máy tính; 05 case máy tính; 01 iPad Pro 12,9 Inch; 01 (một) máy tính Laptop, nhãn hiệu DELL; 08 thiết bị thu, phát W, 4G; 30 thẻ Card, thẻ Sim điện thoại; 12 thẻ tài khoản Ngân hàng các loại; 14 điện thoại Iphone; 02 (hai) căn cước công dân (mang tên Trần Thế G1 và Trịnh Minh T16);

- 05 (năm) nhẫn kim loại màu vàng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, BKS: 29X7-44960.

- Tổng số tiền 67.060.000 đồng (gồm: 2.060.000 đồng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Trần Văn Đ; số tiền 50.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị O giao nộp; 15.000.000 đồng do Trần Thị Thanh H21 giao nộp để khắc phục hậu quả);

*** Nhóm Trần Thanh T13:**

- 05 (năm) case máy tính; 05 màn hình máy tính; 05 bàn phím; 05 chuột máy tính; 06 thiết bị thu, phát W, 4G; 06 điện thoại Iphone; 01 điện thoại OPPO;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29Y1-646.08;

- Số tiền 30.000.000 đồng (do ông Trần Văn H giao nộp để khắc phục hậu quả cho Trần Thanh T13).

*** Nhóm Trần Đức K:** 02 (hai) case máy tính; 02 màn hình máy tính; 02 bàn phím; 02 chuột máy tính; 03 (ba) USB kết nối mạng và 04 điện thoại Iphone.

*** Nhóm Trần Trung H8 - Đỗ Văn H17:**

- 04 (bốn) case máy tính; 01 màn hình máy tính; 02 USB; 06 điện thoại Iphone; 01 điện thoại Samsung;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, Biển kiểm soát 29Y1-539.24 (thu giữ của Đỗ Văn H17).

- Số tiền 40.000.000 đồng (của ông Trần Văn O1 giao nộp để khắc phục hậu quả cho Trần Trung H8).

Kết quả điều tra xác định: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến tháng 8 năm 2023, lợi dụng nhu cầu vay vốn tăng cao của nhiều cá nhân, các nhóm đối tượng Trần Văn S, sinh năm 2002; Trần Văn M1, sinh năm 2002; Nguyễn Bá T11, sinh năm 2004; Trần Văn Đ, sinh năm 1998; Trần Thanh T13, sinh năm 2003; Trần Trung H8, sinh năm 2001 đều trú tại thôn A, xã A, huyện M, TP Hà Nội; Trần Long

V4, sinh năm 2002 và Trần Đức K, sinh năm 2001 đều trú tại thôn V, xã A, huyện M, TP Hà Nội đã nảy sinh ý định giả danh các ngân hàng, công ty tài chính đăng các nội dung quảng cáo không đúng sự thật về việc cho vay tiền với lãi suất thấp trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Z nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Để thực hiện hành vi lừa đảo, các nhóm đối tượng trên đã lôi kéo nhiều đối tượng khác cùng tham gia; thu mua hàng trăm sim điện thoại rác của nhiều nhà mạng viễn thông; hàng chục tài khoản ngân hàng ảo; trang bị máy tính, điện thoại, tạo lập hàng nghìn tài khoản Facebook với các nguồn thông tin giả để làm công cụ, phương tiện phạm tội. Các đối tượng sử dụng sim rác tạo lập các tài khoản trên mạng xã hội Facebook, Zalo giả danh người khác với nhiều tên gọi khác nhau như: “Phạm Văn H22”, “Nguyễn Minh N5”, “Vũ Đức N6”, “Hoàng Quốc V5”, “Nguyễn Văn T17”, “Bùi Việt Đ1”, “Dương Văn L5”, “Đỗ Duy H23” “Mai Văn T18”, “Trần Lan A1”, “Nguyễn Lý Bạch L6”, “Đặng Đức V6”, “Trần Văn B2”, “Trần Văn L7”, “Nguyễn Trọng K1”, “Nguyễn Trọng K1”, “Chu Quang Q2”, “Hà Minh N7”, “Bùi Việt Đ1”, “Dương Văn L5”, “Đỗ Duy H23”, “Nguyễn Như L8”, “Nguyễn Thanh T19”.... Sau đó sử dụng điện thoại thông minh, máy tính bàn cài đặt các ứng dụng Zalo, Facebook, ứng dụng Banking của các ngân hàng để phục vụ cho việc chiếm đoạt tài sản.

Các đối tượng sử dụng nhiều tài khoản Facebook ảo khác nhau truy cập vào các trang Fanpage và hội nhóm của Facebook như: “Hỗ Trợ Vay Vốn - Giải Ngân Nhanh Chóng”; “Cho Vay Tiêu Dùng”; “Hỗ Trợ Vay Vốn Tiêu Dùng - Giải Ngân Nhanh Chóng”.... đăng tải nhiều bài viết có nội dung như: “Hỗ trợ vay tiêu dùng từ 10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng lãi suất hấp dẫn - Giải ngân nhanh, thủ tục chỉ cần CMND hoặc sổ hộ khẩu - Có nhiều gói để lựa chọn - Vui lòng kết bạn Zalo để được tư vấn miễn phí”. Khi có người tiếp cận vay tiền, các đối tượng sử dụng tài khoản Zalo giả danh người khác để liên lạc với người vay, gửi cho họ hình ảnh thể hiện các nội dung thông tin liên quan đến khoản vay và nhấn tin đưa ra các nội dung dẫn dụ, yêu cầu người vay cung cấp thông tin cá nhân, như: họ tên, số điện thoại, ảnh chụp CMND/CCCD, cung cấp số tài khoản ngân hàng, số điện thoại liên lạc, ảnh chụp chân dung... phục vụ làm hồ sơ vay. Khi người vay đồng ý và thực hiện theo yêu cầu, các đối tượng nhấn tin lại giả vờ thông báo cho bị hại là hồ sơ đã được duyệt vay. Đồng thời yêu cầu người vay thanh toán phí làm hồ sơ giao động từ 300.000 đồng đến 5.000.000 đồng tùy theo các gói vay và hứa hẹn sau khi người vay nộp phí sẽ được giải ngân khoản vay.

Sau khi dụ người vay chuyển tiền phục vụ hỗ trợ xác minh, duyệt khoản vay, các đối tượng tiếp tục viện dẫn hàng loạt các lý do khoản vay không được giải ngân

xuất phát từ lỗi khai hồ sơ của người vay (như khai sai tên người hưởng thụ, đổi cách viết tên người hưởng thụ từ chữ in thường sang in hoa, không đủ điều kiện vay, thừa hoặc sai một số trên số căn cước công dân...). Từ đó, yêu cầu người vay phải nộp thêm các khoản tiền để bảo đảm khoản vay hoặc khắc phục lỗi hệ thống; hứa hẹn sẽ hoàn trả lại số tiền đã gửi cho khách hàng sau khi khoản vay được giải ngân. Khi người vay chuyển tiền vào số tài khoản của các đối tượng cung cấp hoặc khi người vay phát hiện bị lừa thì các đối tượng sẽ lập tức chặn Zalo, ngắt liên lạc để chiếm đoạt tiền. Việc rút tiền sẽ được các đối tượng thực hiện qua khâu trung gian để tránh bị phát hiện, đối tượng cầm đầu sẽ đăng ký tài khoản trên web: <http://Kubet77.bet> (mạng hoạt động đánh bạc trá hình) được liên kết với tài khoản chính chủ do đối tượng cầm đầu thiết lập, đăng ký. Từ tài khoản trên trang web: <http://Kubet77.bet> tiền lừa đảo sẽ được chuyển thẳng về tài khoản cá nhân của đối tượng, sau đó sẽ được chia theo tỉ lệ 70% - 30% hoặc 60% - 40% giữa đối tượng cầm đầu và các đối tượng cấp dưới.

Các đối tượng cầm đầu đã thuê thêm một số đối tượng khác và phân công nhiệm vụ cụ thể, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện hành vi lừa đảo; trong đó có đối tượng được phân công sử dụng máy tính để chạy Facebook, comment nhằm tăng tương tác, kích thích đến những người có nhu cầu vay vốn, đối tượng còn lại sử dụng điện thoại có kết nối Zalo (mạo danh nhân viên ngân hàng) để tư vấn, dụ dỗ người vay chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng đã được định sẵn. Đối tượng cầm đầu sẽ rút tiền trực tiếp từ tài khoản lừa đảo hoặc qua trang web cờ bạc trá hình.

Với thủ đoạn nêu trên, nhóm đối tượng do Trần Văn S; Trần Văn Đ; Nguyễn Bá T11; Trần Long V4; Trần Văn M1; Trần Đức K; Trần Văn T20; Trần Trung H8 - Đỗ Văn H17 đã câu kết, giúp sức nhau thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại ở nhiều tỉnh thành khác nhau trong cả nước, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Trần Văn S:

Trần Văn S, sinh năm 2002 trú tại thôn A, xã A, huyện M, TP Hà Nội làm nghề tự do, không có việc làm ổn định. Năm 2021, S lên mạng xã hội đăng ký vay tiền O2 thì bị lừa số tiền khoảng 2.000.000 đồng. Sau khi bị lừa mất tiền, S đã nảy sinh ý định áp dụng hình thức này để lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu vay tiền Ngân hàng qua mạng.

Cuối năm 2021, S truy cập vào mạng xã hội Facebook tìm mua được tài khoản Ngân hàng T44 với giá khoảng 3.000.000 đồng và mua được 100 tài khoản facebook với giá từ 18.000 đồng đến 24.000 đồng/1 tài khoản để sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, thời gian này S tự làm một mình.

Đầu năm 2022, S cùng Trần Văn M1, sinh năm 2002 (ở cùng thôn) thuê nhà tại khu vực quận H, thành phố Hà Nội và cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo. Thời điểm này, M1 có nhiệm vụ truy cập Facebook để vào các hội nhóm đăng bài viết có nội dung liên quan đến việc hỗ trợ cho vay tiền để tiếp cận bị hại. Khi có khách hàng tiếp cận, S là người trực tiếp tư vấn vay tiền và yêu cầu khách hàng chuyển tiền phí hồ sơ, phí bảo hiểm, phí giải ngân đến tài khoản của Ngân hàng T44. Sau khi nhận được tiền, S ra cây ATM của Ngân hàng T44 gần Điểm giao dịch của Ngân hàng T44 trên đường P để rút tiền. Khi rút tiền, S đều đeo khẩu trang và rút tiền vào chiều tối. Số tiền lừa đảo chiếm đoạt được, S và M1 chia đều nhau. Đến giữa tháng 3/2022, Nguyễn Bá T11, sinh năm 2004 (cùng thôn với S) đến ở cùng nhưng không làm chung với S và M1; T11 sử dụng chung tài khoản ngân hàng của S và M1 để thực hiện hành vi lừa đảo và nhận tiền lừa đảo chiếm đoạt được tương tự như S.

Ngày 01/4/2022, M1, S và T11 chuyển đến thuê tại căn 8A8A tầng 7 Toà S1.07 Khu đô thị V. Từ ngày 22/6/2022 đến giữa tháng 7/2022, Trịnh Tứ H2, sinh ngày 23/8/2006 trú tại thôn T, xã H, huyện M, TP Hà Nội đến làm thuê cho Nguyễn Bá T11; Trần Long V4, sinh năm 2002 trú tại thôn V, xã A, huyện M, TP Hà Nội và Lương Thị H24, sinh năm 2002 trú tại Bản T, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An (là người yêu của M1) đến ở cùng nhưng V4 không làm chung với S, M1 và T11.

Ngày 08/8/2022, S thuê Trần Thanh T13, sinh năm 2003 (ở cùng thôn) chạy quảng cáo cho vay tiền Ngân hàng giúp S thực hiện hành vi lừa đảo. Tháng đầu, S trả cho T13 6.000.000 đồng, sau S trả 8.000.000 đồng/1 tháng. Đến ngày 15/8/2022, Bùi Thị Thanh P1, sinh năm 2004 trú tại xóm C, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình (là bạn gái của Trần Long V4) đến ở cùng mọi người.

Ngày 25/8/2022, cả nhóm chuyển sang thuê căn hộ tại tầng I Tòa S. Tại đây, M1 làm riêng một mình; T13 làm thuê cho S; Lương Thị H24 bắt đầu thực hiện công việc chạy quảng cáo cho Trần Văn M1; Bùi Thị Thanh P1 không tham gia vào công việc lừa đảo; Trần Long V4 làm riêng một mình.

Đến giữa tháng 11/2022, M1, S, T13, V4, H24, P1 chuyển sang thuê tại Căn hộ 2112, tầng B Tòa S Khu đô thị V. Vài ngày sau, T13 và S tách ra thuê tại căn hộ S tòa S và tiếp tục thực hiện việc lừa đảo.

Tháng 01/2023, T13 mua của Quách Văn K2 (sinh năm 2004, trú tại thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội) 01 tài khoản số 6345221 Ngân hàng A8 mang tên K2 với giá 3.000.000 đồng rồi giao lại cho S quản lý, sử dụng để liên kết đến tài khoản Game KubetZZC nhằm thực hiện việc đổi tiền chiếm đoạt được.

Từ ngày 28/01/2023 đến ngày 15/02/2023 S thuê thêm Nguyễn Chí T14, sinh năm 2004 trú tại thôn G, xã H, huyện M, TP Hà Nội; Lương Anh N, sinh năm 2003

trú tại Bản Q, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An và Đỗ Thị Huyền T21, sinh ngày 24/10/2007 thường trú tại số F, ngõ B, Thành Công, B, TP Hà Nội chạy Quảng cáo bài viết cho vay tiền trên mạng xã hội Facebook và trả lương cho các đối tượng từ 5.000.000 đồng/1 tháng đến 12.000.000 đồng/1 tháng. Quá trình làm thuê đến ngày 04/8/2023, Lương Anh N được S trả tổng số 25.000.000 đồng.

Đến ngày 19/3/2023, S thuê căn hộ A, tòa S, chung cư V và chuyển tất cả sang căn hộ này. Khi chuyển sang căn hộ này, Trần Thanh T13 tách ra làm riêng và thuê Đỗ Thị Huyền T21 chạy quảng cáo. T13 và T21 làm cùng với nhau được khoảng gần 1 tháng thì T21 nghỉ còn T13 chuyển đi nơi khác ở. Quá trình làm thuê cho S đến hết ngày 28/02/2023, T13 được S trả tổng số tiền là 42.000.000 đồng, T21 được S trả 5.000.000 đồng.

Sau khi T13 tách ra làm riêng, tại căn hộ S tòa S, S thuê thêm người đến giúp S thực hiện hành vi lừa đảo, cụ thể:

Ngày 30/3/2023, S thuê Lưu Trung D4, sinh ngày 13/5/2005 trú tại thôn H, xã A, huyện M, TP Hà Nội chạy quảng cáo giúp S. Du làm cho S đến ngày 07/4/2023 thì nghỉ. Đến ngày 15/4/2023, D4 tiếp tục trở lại căn hộ và làm thuê cho S đến ngày 08/6/2023 thì nghỉ việc. Quá trình làm thuê, D4 thực hiện công việc chạy quảng cáo và được S trả công 8.000.000 đồng.

Ngày 09/4/2023, S thuê thêm Bạch Bảo H20, sinh ngày 22/10/2007 trú tại xóm C, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình và trả công cho H20 5.000.000 đồng/1 tháng. Tuy nhiên, H20 bắt đầu thực hiện công việc kể từ ngày 27/4/2023 cho đến ngày 04/8/2023 thì nghỉ. Quá trình làm thuê, H20 thực hiện công việc chạy quảng cáo và được S trả công 10.500.000 đồng.

Từ ngày 11/6/2023 đến ngày 27/7/2023, S thuê Bùi Xuân Á, sinh ngày 22/8/2007 trú tại xóm S, xã C, huyện L, tỉnh Hòa Bình và trả công cho Á 5.000.000 đồng/1 tháng. Quá trình làm thuê, Á thực hiện công việc chạy quảng cáo và được S trả công tổng số tiền 7.000.000 đồng.

Ngày 28/7/2023, S thuê thêm Bùi Văn L9, sinh năm 2006, trú tại xóm C, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình thực hiện công việc chạy quảng cáo và trả lương 6.000.000 đồng/1 tháng; L9 chạy quảng cáo và được S trả công số tiền 2.500.000 đồng.

Đến đầu tháng 8/2023, do nghi ngờ đang bị cơ quan Công an theo dõi, ngày 03/8/2023, S cùng đồng bọn mang theo phương tiện phạm tội chuyển đến thuê tại căn hộ C, tòa S, chung cư S, khu đô thị E thuộc xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên để tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo.

Đến ngày 04/8/2023, Trần Văn S, Nguyễn Chí T14, Bùi Văn L9, Lương Anh N, Bạch Bảo H20 bị Cơ quan điều tra triệu tập làm việc. Tại cơ quan điều tra, Trần Văn S, Nguyễn Chí T14, Bùi Văn L9, Lương Anh N, Bạch Bảo H20 đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Quá trình điều tra xác định nhóm Trần Văn S trực tiếp quản lý, sử dụng và cho người khác sử dụng chung các tài khoản Zalo, tài khoản Ngân hàng, tài khoản G2 để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gồm:

- Tài khoản Zalo: Lê Toàn Đ2; Trần Trung H8; Nguyễn Văn C6; Phạm Văn H22; Nguyễn Văn T17; Nguyễn Minh N5; Vũ Đức N6, Hoàng Quốc V5.

- Tài khoản ngân hàng: A8 mang tên Tran Trong Luong số 10119201; VIB mang tên Cao Thi Thanh H25 số 876686572; A8 mang tên Mai Duy N8 số 8106181; TPB mang tên Nguyen Van C7 số 31556233737; V11 mang tên Nguyen Thi Minh T22 số 9785197102; V11 mang tên Nguyen Thi Minh T22 số 0565282561; TCB mang tên Nguyen Thi Khanh V7 số 19070309688014; VCB mang tên Nguyen Thi K3 Hang số 9565282561; A8 mang tên Quach Van K4 số 6345221; A8 mang tên Pham Van De số 28875867; TCB mang tên Tran Yen N9 số 1216838666; TCB mang tên Tran Yen N9 số 19039508942014; TCB đều mang tên Huynh Hoa số 4465838666 và số 19070046651013.

- Tài khoản Game: Kubet: TRANVANSY2; KUBETZZC và các tài khoản Kubet của Trần Long V4, Trần Thanh T13, Hoàng Minh A2.

Kết quả điều tra xác định nhóm bị cáo Trần Văn S và đồng phạm (gồm Trần Văn S; Bùi Văn L9; Lương Anh N; Nguyễn Chí T14; Lưu Trung D4) đã lừa đảo chiếm đoạt của 30 bị hại với tổng số tiền là **818.870.000 đồng**.

Đối với Trần Thanh T13 được S thuê chạy quảng cáo cho vay tiền giúp S thực hiện hành vi lừa đảo trong thời gian từ tháng 8/2022 đến cuối tháng 02/2023 thì tách ra lập nhóm riêng để thực hiện hành vi lừa đảo độc lập. Trong thời gian làm thuê cho S, T13 giúp sức để S thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 14 bị hại với tổng số tiền là **425.050.000 đồng**.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Trần Long V4:

Khoảng tháng 4/2022, Trần Long V4 nói chuyện được biết Trần Văn S và Trần Văn M1 (đều là bạn học cùng cấp 2) đang thuê phòng tại Tòa S, khu đô thị V, xã Đ, huyện G, Hà Nội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới hình thức giả danh nhân viên ngân hàng để cho vay tiền lãi suất thấp, giải ngân nhanh. V4 đến ở cùng S, M1 để học cách thức lừa đảo và lên mạng học thêm về cách thức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản dưới hình thức giả danh nhân viên ngân hàng. Đến khoảng tháng 7/2022, V4

thuê phòng 195A, Tòa S, Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, Hà Nội để thực hiện hành vi lừa đảo độc lập, không làm chung với S và M1.

Khoảng tháng 11/2022, V4 rủ bạn gái là Bùi Thị Thanh P1 đến giúp V4 thực hiện hành vi lừa đảo. P1 được V4 giao nhiệm vụ chạy quảng cáo Facebook, comment trả lời khách khi có khách liên hệ vay tiền, yêu cầu người vay kết bạn Zalo với tài khoản Zalo của V4 để V4 tư vấn cho khách hàng sau đó yêu cầu khách hàng chuyển tiền đến tài khoản mà V4 quản lý để chiếm đoạt.

Đến ngày 27/3/2023, V4 thuê thêm Lê Văn C4, sinh năm 2001 (ở cùng thôn) làm nhiệm vụ chạy quảng cáo Facebook, comment trả lời khách cho V4 và thỏa thuận trả lương cho C4 6.000.000 đồng/tháng. Khoảng tháng 5/2023, thông qua C4 giới thiệu, V4 thuê Nguyễn Tuấn L10, sinh ngày 29/4/2008, trú tại thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội về làm thuê cho V4. V4 giao cho L10 nhiệm vụ cùng P1, C4 chạy quảng cáo facebook, comment trả lời khách, còn V4 sẽ trực tiếp tư vấn lừa đảo khách, V4 trả lương cho L10 6.000.000 đồng/tháng.

Ngày 05/5/2023, V4 tiếp tục thuê thêm Đỗ Văn T2, sinh năm 2005 trú tại Đội 10, xã Đ, huyện M, TP Hà Nội làm nhiệm vụ cùng P1 chạy quảng cáo facebook, comment trả lời khách, còn C4 và V4 trực tiếp tư vấn lừa đảo khách, V4 trả lương cho T2 6.000.000 đồng/tháng.

Đến đầu tháng 7/2023, nhóm của V4 chuyển sang thuê Phòng 2116, Tòa S2.05, Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, Hà Nội và tiếp tục hoạt động lừa đảo. Nhóm của V4 đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại với số tiền chiếm đoạt từ 350.000 đồng đến 200 triệu đồng. Số tiền chiếm đoạt được, V4 sử dụng để trả lương cho C4, L10 và T2, trả tiền thuê phòng; chi tiêu sinh hoạt hàng ngày cho cả bọn và chơi Game hết.

Quá trình làm thuê cho V4, C4 thực hiện công việc chạy quảng cáo, tư vấn khách hàng và được V4 trả lương tổng số 24.000.000 đồng; L10 thực hiện công việc chạy quảng cáo, được V4 trả lương tổng số tiền: 24.000.000 đồng; T2 thực hiện công việc chạy quảng cáo, được V4 trả lương tổng số tiền 15.000.000 đồng; P1 thực hiện nhiệm vụ chạy quảng cáo Facebook, comment trả lời khách theo sự phân công của V4 nhưng không thoả thuận, nhận tiền lương do là bạn gái của V4.

Đến ngày 04/8/2023, Trần Long V4, Bùi Thị Thanh P1, Lê Văn C4, Đỗ Văn T2 bị Cơ quan điều tra triệu tập làm việc. Tại cơ quan điều tra, Trần Long V4, Bùi Thị Thanh P1, Lê Văn C4, Đỗ Văn T2 có đơn xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Quá trình điều tra xác định, nhóm bị cáo Trần Long V4 trực tiếp quản lý, sử dụng và cho người khác sử dụng chung các tài khoản Zalo, Ngân hàng và tài khoản G2 để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gồm:

- Tài khoản Zalo: Đỗ Duy H23; Dương Văn L5; Bùi Việt Đ1; Phạm Thành L11; Phạm Đức P2; Trần Đức L12;

- Tài khoản ngân hàng: A8 mang tên Mai Duy N8 số 5106181; VCB mang tên Nguyen Mai A3 số 9877219434; TCB đều mang tên Tran Yen N9 1216838666 và số 19039508942014; TCB đều mang tên Huynh Hoa 4465838666 và số 19070046651013; A8 mang tên Pham Van De số 28875867; A8 mang tên Quach Van K4 số 6345221; VPB Nguyen Thi Minh Tu số 0565282561; VCB mang tên Nguyen Thi K3 Hang số 9565282561;

- Tài khoản Game: Kubet123456781E; Kubet123456788R; Kubet có ký hiệu: NHC và 112E; Dùng chung tài khoản kubet của Trần Văn S, Hoàng Minh A2 và Trần Văn M1.

Kết quả điều tra xác định, nhóm bị cáo Trần Long V4 và đồng phạm (gồm Trần Long V4; Bùi Thị Thanh P1; Lê Văn C4; Đỗ Văn T2) đã lừa đảo chiếm đoạt của 34 bị hại với tổng số tiền là **1.432.195.000 đồng**.

3. Hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Trần Văn M1:

Trần Văn M1 và Trần Tuấn V8, sinh năm 2006 trú tại thôn A, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội là anh em họ của nhau. Theo M1 khai, đầu năm 2022, M1 biết V8 hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng bằng hình thức giả danh nhân viên ngân hàng hỗ trợ vay vốn, M1 đã nhờ Vũ dạy một số thủ đoạn để lừa đảo trên mạng xã hội. Đồng thời, M1 cũng tự tìm hiểu, học hỏi từ mạng internet về cách lừa đảo chiếm đoạt tài sản với hình thức trên.

Tháng 4/2022, M1 thuê căn hộ 8A8A tại Tòa S, khu đô thị V thuộc xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội và ở chung với Trần Long V4; Trần Văn S và Nguyễn Bá T11 (còn gọi là T11 “Sếu”) để hỗ trợ giúp sức nhau thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đến tháng 8/2022, M1, S, V4 cùng chuyển sang ở tại các căn hộ tại các Tòa S2.19; S2.11 Khu đô thị V. Thời điểm này, M1 đã rủ Lương Thị H24- là người yêu M1 đến ở cùng, còn T11 chuyển đi ở nơi khác. H24 giúp M1 đăng bài, bình luận trên facebook để giúp M1 thực hiện hành vi lừa đảo trên không gian mạng; M1 sử dụng tài khoản ngân hàng T44 để đi lừa đảo chiếm đoạt tiền của khách hàng. Một thời gian sau, tài khoản ngân hàng này bị khóa, M1 đã mua tài khoản Ngân hàng A8, số tài khoản 28875867, mang tên Phạm Văn D5 để tiếp tục thực hiện hành vi lừa

đảo chiếm đoạt tài sản. M1 sử dụng tiền chiếm đoạt được để H24 trang trải chi tiêu hàng ngày, mua máy tính để bàn để sử dụng vào mục đích lừa đảo.

Đến tháng 01/2023, M1, H24 chuyển đến căn hộ 0815, ở tòa S khu đô thị V và tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Cuối tháng 01/2023, M1 thuê Vi Văn D6, sinh năm 2004 trú tại Bản T, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An làm nhiệm vụ đăng bài, bình luận trên facebook giúp M1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản. M1 trả lương cho D6 6.000.000 đồng/tháng. H24 và D6 giúp M1 đăng bài, bình luận trên facebook, khi có khách liên hệ vay tiền thì M1 là người nhắn tin nói chuyện, tư vấn và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của khách. Ngoài ra, trong khoảng thời gian này, M1 nhờ D6 mở tài khoản ngân hàng T45 số 19070098198015 mang tên Vi Văn D6, liên kết với số điện thoại 0865382624 của Diễm để M1 quản lý và sử dụng.

Đến khoảng cuối tháng 2/2023, đầu tháng 3/2023, M1 thuê thêm Trịnh Xuân T23, sinh năm 2004 trú tại thôn Đ, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ đăng bài, bình luận trên Facebook. M1 trả lương cho T23 5.000.000 đồng/tháng. Thời điểm này, T23 cùng D6 giúp M1 đăng bài, bình luận trên Facebook, H24 thực hiện công việc nội trợ cho cả nhóm. M1 sử dụng tài khoản Zalo tên “Nguyễn Trọng K1” và “Trần Văn L7” giả danh nhân viên ngân hàng T45 để lừa đảo; tài khoản ngân hàng T45 mang tên HUYNH HOA (M1 dùng chung tài khoản ngân hàng này với V4, T13 và S) để người vay chuyển tiền vào.

Một thời gian sau, M1 mua được thêm tài khoản mang tên “TRAN THANH HA” mở tại ngân hàng T44 và NGUYEN THU HA mở tại ngân hàng A8 (tài khoản này chỉ M1 sử dụng, không ai sử dụng chung).

Trịnh Xuân T23 làm thuê cho M1 đến ngày 05/4/2023, còn D6 làm cho M1 đến ngày 27/4/2023 thì nghỉ việc. Quá trình làm thuê, T23 được M1 trả lương tổng số 7.000.000 đồng; D6 được M1 trả lương tổng số 18.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 4/2023, M1 thuê thêm Trịnh Tứ H2 làm nhiệm vụ đăng bài, bình luận trên Facebook và trực tiếp tư vấn để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người vay. Tháng đầu, M1 trả lương cho H2 10.000.000 đồng/tháng, từ tháng thứ 2 trở đi, M1 và H2 thoả thuận ăn chia theo tỉ lệ 6 – 4 (tức H2 được hưởng 40% số tiền chiếm đoạt được mà H2 trực tiếp tư vấn). M1 đã đăng ký, sử dụng thêm 02 tài khoản Zalo “Chu Quang Q2” và “Hà Minh N7” để chạy quảng cáo và tư vấn lừa đảo người vay.

Ngày 15/5/2023, M1 tiếp tục thuê thêm anh họ là Vũ Tiến D, sinh năm 2001 trú tại thôn P, xã A, huyện M TP Hà Nội làm nhiệm vụ đăng bài, bình luận trên Facebook. M1 trả lương cho D 7.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 05/6/2023, M1 thuê thêm Nguyễn Đức H9, sinh năm 2006 trú tại thôn N, xã L, huyện Ú, TP Hà Nội làm

nhiệm vụ đăng bài, bình luận trên Facebook để lừa đảo người vay. M1 trả lương cho H9 5.000.000 đồng/tháng.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, D được M1 trả lương tổng số tiền: 14.000.000 đồng; H9 chưa kịp nhận lương thì bị phát hiện xử lý. Lương Thị H24 được M1 cho 30.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân; Ngoài ra, H24 còn thực hiện công việc chạy quảng cáo, tham gia quản lý tiền chiếm đoạt được giúp M1 và giao cho M1 sử dụng tài khoản ngân hàng MB mang tên Lương Thị H24, Tài khoản Zalo “Bé N10” để M1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đến ngày 04/8/2023, Trần Văn M1, Lương Thị H24, Trịnh Tứ H2, Nguyễn Đức H9, Vũ Tiến D bị Cơ quan điều tra triệu tập làm việc. Tại cơ quan điều tra, Trần Văn M1, Lương Thị H24, Trịnh Tứ H2, Nguyễn Đức H9, Vũ Tiến D đã có đơn xin đầu thú và khai báo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Quá trình điều tra xác định, nhóm bị cáo Trần Văn M1 trực tiếp quản lý, sử dụng và cho người khác sử dụng chung các tài khoản Zalo, Ngân hàng và tài khoản G2 để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gồm:

- Tài khoản Zalo: Phạm Quang V9; Nguyễn Trọng K1; Trần Văn B2; Trần Văn L7; Chu Quang Q2; Hà Minh N7.

- Tài khoản ngân hàng: TPB mang tên Tran Thanh H26 số 00001950601; A8 mang tên Nguyen Thu H27 số 4080751; A8 mang tên Nguyen Thi K3 Hang số 5129521; VPB mang tên Nguyen Thi Minh T22 số 0565282561; A8 mang tên Pham Van De số 28875867; TCB mang tên Huynh Hoa số 19070046651013; MB mang tên Lu Hong Tham số 818868828686; TCB mang tên Tran Yen N9 số 19039508942014.

- Tài khoản Game: K9; Kubet KIEN789F; Kubet có ký hiệu: KKKK2002KKKK; Dùng chung kubet TRANHOADD với Trần Thanh T13; kubet BENZEE của Hoàng Minh A2 và kubet A9; kubet TRANVANSY2 của Trần Văn S.

Kết quả điều tra xác định, nhóm bị cáo Trần Văn M1 và đồng phạm (gồm Trần Văn M1; Lương Thị H24; Trịnh Tứ H2; Nguyễn Đức H9; Vũ Tiến D; Vi Văn D6; Trịnh Xuân T23) đã lừa đảo chiếm đoạt của 19 bị hại với tổng số tiền là **537.322.964 đồng**.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Nguyễn Bá T11

Nguyễn Bá T11 không có việc làm ổn định. Để có tiền chi tiêu cá nhân, T11 đã nảy sinh ý định đăng bài hỗ trợ vay vốn với lãi suất thấp trên mạng xã hội để tiếp cận khách hàng rồi tìm cách chiếm đoạt tiền của họ. Khoảng tháng 4/2022, T11 đến ở cùng Trần Long V4; Trần Văn S tại căn hộ tại tòa S, khu đô thị V thuộc xã Đ,

huyện G, TP Hà Nội để học cách thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức trên. Đến giữa tháng 6/2022, T11 thuê Trịnh Tứ H2 đến làm cùng để giúp T11 thực hiện hành vi lừa đảo.

Sau khi V4 và S chuyển phòng, ngày 25/8/2022, T11 và Trịnh Tứ H2 chuyển đến thuê phòng số 215A, Tòa S Khu đô thị V thuộc xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Đến tháng 11/2022, Bùi Thùy D3, sinh ngày 15/4/2005 trú tại xóm Đ, xã S, huyện K, tỉnh Hòa Bình (là người yêu của T11) đến ở cùng và giúp T11 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, T11 mua sim điện thoại không đăng ký chính chủ để đăng ký tài khoản Zalo, cụ thể: Số điện thoại 0766269848 đăng ký tài khoản Zalo: “Hồ Xuân Đ3; số điện 0345260771 đăng ký khoản Zalo: “Khánh Linh” và số điện thoại 0896869074 đăng ký khoản Zalo: “Nguyễn Đỗ B3”; mua 100 tài khoản Facebook ảo; 02 thẻ ngân hàng A8 mang tên Lê Nguyễn Khánh L13, Hồ Đức T24; tài khoản ngân hàng S5, mang tên Đinh Hải P3; tài khoản ngân hàng MB mang tên Nguyễn Văn T25 và sử dụng tài khoản ngân ACB của T11; Đồng thời mua 03 bộ máy tính; sử dụng 03 chiếc điện thoại, gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 6, 01 chiếc điện thoại Iphone 6s, 01 chiếc điện thoại Iphone 6Plus để là công cụ phạm tội rồi tự đăng bài và trực tiếp tư vấn khách hàng để chiếm đoạt tài sản, D3 cho T11 mượn thẻ ngân hàng để T11 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 26/12/2022, T11 và D3 về quê ở M kinh doanh dịch vụ nhân viên nữ phục vụ quán hát. Tại căn hộ của T11 thuê thời điểm này chỉ còn H2 tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo.

Đầu tháng 01/2023, thông qua Bùi Thùy D3 giới thiệu, T11 thuê Bùi Văn M2, sinh năm 2003 trú tại xóm S, xã S, huyện K chạy quảng cáo giúp T26 thực hiện hành vi lừa đảo và phân công H2 quản lý. M2 thực hiện công việc chạy quảng cáo đến ngày 10/01/2023 thì nghỉ; H2 làm thuê cho T11 đến ngày 27/12/2022 (âm lịch) tức ngày 18/01/2023 thì nghỉ việc. Đầu tháng 02/2023, T11 thuê Trần Đức K, sinh năm 2001 trú tại thôn V, xã A, huyện M và Phạm Đức L14, sinh năm 2000 trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện M đến căn hộ B Tuần thuê để thực hiện hành vi lừa đảo giả danh nhân viên ngân hàng. Ngày 20/02/2023, T11 quay lại căn hộ 215A đang thuê tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời điểm này, K và L14 chuyển đi nơi khác ở. Cuối tháng 02/2023, D3 từ nhà ra ở với T11.

Đến ngày 14/3/2023, T11 và D3 đến ở cùng với Trần Long V4, Trần Văn M1, Lương Thị H24, Bùi Thị P1, Vi Văn D6, Trịnh Xuân T23, Lê Văn C4 tại căn 2112, Tòa S khu đô thị V. D3 thực hiện công việc chạy quảng cáo giúp T11.

Cuối tháng 3/2023, T11 và D3 chuyển đến thuê tại căn thuộc tầng 21 Toà S2.08. Ngày 12/4/2023, T11 thuê thêm Phạm Tuấn A4, sinh ngày 20/11/2006 trú tại thôn V, xã V, huyện M, TP Hà Nội và Nguyễn Lam Chí T27, sinh năm 2005 trú tại thôn H, xã H, huyện M, TP Hà Nội đến giúp T11 thực hiện hành vi lừa đảo.

Ngày 15/4/2023, T11, D3, Tuấn A4 và T27 chuyển sang thuê mới tại căn hộ A Toà S1.10. Ngày 18/5/2023, T11 thuê thêm Nguyễn Ngọc T15, sinh năm 2005 trú tại xóm S, xã S, huyện K đến làm cùng T11. T27 làm thuê cho T11 đến ngày 20/5/2023 thì nghỉ việc. Trong tháng 6/2023, T11 tiếp tục thuê thêm Đặng Vi C5, sinh năm 2005 trú tại thôn L, xã H, huyện M; Nguyễn Văn N11, sinh năm 2002 trú tại thôn T xã L, huyện Ú, TP Hà Nội (là người yêu của C5) đến làm thuê cho T11. N11 mang theo 01 bộ cây máy vi tính đến cùng Chăm chạy quảng cáo. Phạm Tuấn A4 làm thuê cho T11 đến ngày 23/6/2023 thì nghỉ. Đến đầu tháng 7/2023, Phạm Tuấn A4 quay lại tiếp tục làm thuê cho T11. N11 làm thuê cho T11 đến ngày 14/7/2023 thì nghỉ và mang theo bộ máy tính cây. Phạm Tuấn A4 làm thuê cho T11 đến ngày 16/7/2023 thì nghỉ việc. Thời điểm này, nhóm của T11 còn lại có C5, D3, T15 và M2. Đầu tháng 8/2023, nhóm của T11 chuyển đến thuê tại căn 2606 Toà S1.07 để tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và đến ngày 04/8/2023 thì bị phát hiện.

Quá trình làm thuê cho T11, Trịnh Tứ H2 thực hiện công việc chạy quảng cáo và tư vấn, nhận lương tổng số tiền 40.000.000 đồng; Phạm Tuấn A4 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương tổng số tiền: 8.000.000 đồng; Nguyễn Lam Chí T27 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương số tiền: 2.000.000 đồng; Đặng Vi C5 thực hiện công việc chạy quảng cáo và tư vấn, nhận lương tổng số tiền: 8.000.000 đồng; Nguyễn Văn N11 cùng C5 chạy quảng cáo nhưng chưa được Nguyễn Bá T11 trả tiền công; Nguyễn Ngọc T15 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương số tiền 3.000.000 đồng; Bùi Văn M2 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương số tiền 3.000.000 đồng; Bùi Thùy D3 (người yêu T11) không thoả thuận nhận lương, tuy nhiên trong quá trình chiếm đoạt tài sản, D3 được Bá T11 cho số tiền 50.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra xác định, nhóm bị cáo Nguyễn Bá T11 trực tiếp quản lý, sử dụng và cho các đối tượng chủ nhóm khác sử dụng chung gồm các tài khoản zalo, ngân hàng, game để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gồm:

- Tài khoản Zalo: Hồ Đức T24; Nguyễn Văn B4; Lê Công A5; Hồ Xuân Đ4; Lê Nguyễn Khánh L13 (K); Trần Xuân B5; Nguyễn Đỗ B3.

- Tài khoản ngân hàng: S5 mang tên Đinh Hai P4 số 3333241207; MB mang tên Nguyen Van T28 số 08009739999; TPB mang tên Nguyen Van T28 số 88769548888; A8 mang tên Nguyen Thu H27 số 4080751.

- Tài khoản Game: Rickvip: TAMDONGNAT; KubetTUANKHI20A; Kubet YASUOTTAA.

Kết quả điều tra xác định, nhóm bị cáo Nguyễn Bá T11 và đồng phạm (gồm Nguyễn Bá T11; Bùi Thùy D3; Trịnh Tứ H2; Bùi Văn M2; Nguyễn Ngọc T15; Đặng Vi C5; Nguyễn Văn N11; Nguyễn Lam Chí T27; Phạm Tuấn A4) đã lừa đảo chiếm đoạt của 12 bị hại với tổng số tiền là **213.404.000 đồng**.

5. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Trần Văn Đ:

Tháng 11 năm 2022, Trần Văn Đ cùng với Trần Đức K, sinh năm 2001 trú tại thôn V, xã A, huyện M, TP Hà Nội; Trần Văn T29, sinh năm 2003; Nguyễn Văn H28, sinh năm 2001 đều trú tại thôn A, xã A, huyện M, TP Hà Nội thuê căn hộ B Tòa nhà S khu đô thị V thuộc xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giả danh nhân viên ngân hàng để hướng dẫn, tư vấn các gói vay với nhiều ưu đãi, giải ngân nhanh, không cần tài sản thế chấp với mục đích chiếm đoạt tài sản của người có nhu cầu vay vốn bằng hình thức Online.

Đến đầu năm 2023, Trần Văn Đ tách ra ở riêng và thuê phòng số 1911, Toà S2.15 Khu đô thị V thuộc xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội và rủ Đinh Minh H5, sinh năm 2001 trú tại thôn Đ, xã A, huyện M, TP Hà Nội; Trần Thị Thanh H21, sinh năm 2000 trú tại thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; Lò Duy V, sinh năm 2006 trú tại Bản L, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Bùi Thị Thúy H10, sinh năm 2006 trú tại thôn V, xã H, huyện M, TP Hà Nội; Lưu Thị Tuyết M3, sinh năm 2005 trú tại thôn G, xã P, huyện M, TP Hà Nội; Nguyễn Thị Hà P, sinh năm 2006 trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện M, TP Hà Nội tham gia cùng thực hiện hành vi lừa đảo.

Để thực hiện hành vi lừa đảo, Trần Văn Đ mua Sim rác, thiết bị phát sóng 4G -Dcom, 05 bộ máy tính, điện thoại (không sử dụng wifi), các Facebook ảo (mua từ website <https://muaviaxmdt.com>. Đ sử dụng sim rác mua được để lắp vào các điện thoại đăng ký tên Z dưới các tên: Hoàng Anh T30 (số điện thoại 0898775685), Mai Văn T18 (số điện thoại 0898258185); Trần Lan A1 (số điện thoại 0936051776)...; tài khoản zalo Đặng Đức V6, Lương Văn D7 (số điện thoại 0379832321) được Đ sử dụng để giả danh nhân viên ngân hàng B10, đồng thời chuyển giao các bài viết thể hiện giao dịch chuyển khoản, các Hợp đồng, lệnh giải ngân, thông báo đóng băng và tư vấn hướng dẫn người có nhu cầu vay vốn. Cùng với đó, Đ chuẩn bị các tài khoản ngân hàng ảo để yêu cầu bị hại chuyển tiền vào gồm: Tài khoản 6797361 mở tại ngân hàng A8 mang tên Nguyễn Kim L15; Tài khoản 0918934000 mở tại ngân hàng V12 mang tên Nguyễn Kim L15; Tài khoản 30898942193 mở tại ngân hàng T46 mang tên Nguyễn Thị Thảo L16; Tài khoản 19070280989011 mở tại ngân hàng

T45 mang tên Nguyễn Văn T31; Tài khoản mở tại ngân hàng M10; Tài khoản 5129521 ACB Nguyễn Thị Khánh H29; Tài khoản 06487186701 mở tại ngân hàng T44 mang tên Nguyễn Thùy T32. Đ giao nhiệm vụ cho Đinh Minh H5, Trần Thị Thanh H21, Lò Duy V, Lưu Thị Tuyết M3, Nguyễn Thị Hà P sử dụng máy tính để đăng bài chạy Facebook (có nội dung giả danh nhân viên ngân hàng cho vay vốn, bên dưới bài đăng có đính kèm Zalo số điện thoại của nhân viên ngân hàng); đồng thời giao cho Trần Thị Thanh H21 sử dụng Zalo Trần Lan A1, Đinh Minh H5 sử dụng Zalo Mai Văn T18; còn bản thân Đ sử dụng Zalo Hoàng Anh T30; đối với tài khoản Zalo “Nguyễn Lý B6”, “L15 thì Đ” thì P sử dụng để nhắn tin tư vấn, hướng dẫn khách hàng có nhu cầu vay vốn, chuyển tiền vào các tài khoản ảo do Đ chỉ định. Sau khi lừa được những người có nhu cầu vay vốn chuyển tiền vào các tài khoản mà Đ chỉ định, Đ sẽ trực tiếp đi rút tiền từ cây ATM hoặc giao trực tiếp cho Đinh Minh H5 sử dụng tài khoản 19070280989011 mở tại ngân hàng T45 mang tên Nguyễn Văn T31 để H5 đi rút tiền đem về cho Đ. Đối với các nhân viên ngồi đăng bài viết, bình luận các bài viết giả danh cán bộ ngân hàng T47, giới thiệu các chương trình cho vay ưu đãi lãi suất thấp, giải ngân nhanh gồm V, M3 và H10 thì Đ trả lương 6.000.000 đồng/tháng, các nhân viên đã biết nhắn tin zalo như H21, ban đầu Đ trả 8.000.000 đồng/tháng sau đó trả lương 10.000.000 đồng/tháng. Còn H5 do sử dụng tài khoản ngân hàng rút tiền nên Đ trả 10.000.000 đồng/tháng.

Quá trình làm thuê, Trần Thị Thanh H21 thực hiện công việc chạy quảng cáo và tư vấn, được Đ trả lương tổng số tiền: 35.000.000 đồng; Đinh Minh H5 thực hiện công việc chạy quảng cáo và tư vấn, nhận lương tổng số tiền: 24.000.000 đồng; Lò Duy V thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương tổng số tiền: 18.000.000 đồng; Bùi Thị Thúy H10 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương tổng số tiền: 12.000.000 đồng; Lưu Thị Tuyết M3 thực hiện công việc chạy quảng cáo, đã nhận số tiền 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Hà P không thoả thuận với Đ về việc nhận tiền lương nhưng quá trình ở cùng mọi người, P tham gia giúp việc chạy quảng cáo và tư vấn ban đầu bằng thao tác nhắn tin trên máy điện thoại di động.

Quá trình điều tra, nhóm bị cáo Trần Văn Đ và đồng phạm (gồm Trần Văn Đ; Đinh Minh H5; Lò Duy V; Trần Thị Thanh H21; Lưu Thị Tuyết M3; Bùi Thị Thúy H10; Nguyễn Thị Hà P) đã lừa đảo chiếm đoạt của 22 bị hại với tổng số tiền là **489.458.000 đồng**.

6. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Trần Thanh T13:

Khoảng tháng 8/2022, sau khi thi tốt nghiệp cấp 3, do có nhu cầu kiếm tiền và biết Trần Văn S - là người cùng quê có cách thức kiếm tiền từ việc lừa đảo qua mạng xã hội Facebook nên T13 liên hệ đặt vấn đề với S cho T13 làm cùng thì được

S đồng ý. Ngày 08/8/2022, T13 đến ở cùng S tại căn hộ đang thuê ở toà S Khu đô thị V thuộc xã Đ, huyện G, TP Hà Nội. Tại đây, S dạy T13 cách thức thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng xã hội Facebook bằng hình thức giả danh nhân viên ngân hàng. S giao cho T13 một máy tính, bảo T13 sử dụng các tài khoản Facebook ảo mà S đã đăng nhập sẵn trên máy tính để truy cập vào các hội nhóm trên Facebook, đăng bài và bình luận ở các bài viết với nội dung “ngân hàng cho vay vốn, vay tiền trên mạng xã hội Facebook với lãi suất thấp” rồi để lại số điện thoại có đăng ký tài khoản zalo ảo do S tạo lập.

Trong khoảng thời gian làm thuê cho S từ tháng 8/2022 đến cuối tháng 2/2023, T13 đã giúp sức cho S lừa đảo được nhiều khách hàng qua mạng xã hội Facebook. T13 được S trả lương theo tháng, tháng đầu tiên 5.000.000 đồng, tháng thứ hai là 6.000.000 đồng, tháng thứ ba là 7.000.000 đồng và từ tháng thứ tư là 8.000.000 đồng. T13 làm cho S đến cuối tháng 02 năm 2023 thì thành thạo cách thức lừa đảo qua mạng xã hội nên nghỉ làm cho S và tách ra làm riêng nhưng vẫn ở cùng căn 1217 toà S2.02 với Trần Văn S.

T13 bắt đầu thực hiện làm riêng bằng tài khoản Zalo tự vẫn là “Trần Trọng N12”. Để thực hiện hành vi lừa đảo, T13 mua 01 bộ máy tính; khoảng 200 tài khoản Facebook ảo trên trang Web “Mua via XMDT”. Cách thức của T13 là vào các trang, hội nhóm cho vay vốn trên facebook, bình luận và đăng các bài hỗ trợ làm thủ tục, hồ sơ vay vốn Ngân hàng với lãi suất thấp, thủ tục đơn giản và giải ngân nhanh nhằm lừa đảo những người có nhu cầu vay tiền (khách hàng). Khi người có nhu cầu vay tiền liên hệ theo số điện thoại hoặc Zalo của T13 đã để lại trên các bình luận thì sẽ được T13 trực tiếp tư vấn để lừa đảo chiếm đoạt tiền.

Ngày 18/3/2023, S đuổi việc Đỗ Thị Huyền T21 nên S bảo T21 sang làm thuê cho T13. Do đó, T21 chạy quảng cáo cho T13 kể từ ngày 19/3/2023. Ngày 30/3/2023, Lưu Trung D4 đến làm thuê chạy quảng cáo cho S, còn T21 làm cho T13 đến ngày 07/4/2023 thì nghỉ việc và rời khỏi căn hộ.

Ngày 09/4/2023, T13 chuyển máy tính cây đến ở căn A, Toà S2.02 ở cùng Trần Văn T29, sinh năm 2003 (ở cùng thôn với T13) do T29 đã thuê từ trước và làm chủ nhóm lừa đảo lúc này đã có người làm thuê là Bùi Văn L9 và Hoàng Quý L17 (sinh năm 2005, trú tại thôn T, xã P, huyện M, TP Hà Nội). Tại đây, T13 thực hiện công việc lừa đảo một mình. Ngày 20/4/2023, Đinh Thiện B7 (sinh năm 2006 trú tại xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) có mặt làm thuê cho Trần Văn T29.

Ngày 09/5/2023, T13 thuê căn hộ 2012 Toà S1.06, khi đến căn hộ mới có nhóm của T29 đến ở cùng. Cùng thời gian này, Bùi Thị Thanh H30 là bạn gái của T13 đến ở cùng T13.

Ngày 06/6/2023, thông qua Đinh Thiện B7 giới thiệu, T13 thuê Lý Văn D8, sinh ngày 08/01/2007 trú tại Bản N, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu chạy quảng cáo cho T13. Ngày 20/6/2023, Nguyễn Văn H31 (sinh năm 2006, trú tại thôn H, xã A, Huyện M, TP Hà Nội) đến làm thuê cho Trần Văn T29.

Ngày 25/6/2023, T13 thuê thêm Trần Văn T12, sinh năm 2004 (ở cùng thôn với T13) chạy quảng cáo giúp T13. Ngày 26/6/2023, có Bùi Ngọc V10 (sinh năm 2006, trú tại xóm Q, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình) đến làm thuê cho T29.

Do căn hộ có đông người nên đến cuối tháng 6/2023, T13 chuyển đến thuê tại căn hộ S tầng B Tòa S để chia người ở (tại căn 2517 có T13, H30 và T29; (căn hộ 2012 có B7, H31, D8, L9, V10, T12). Ngày 11/7/2023, Trần Hoa Đ5 là em ruột T13 đến chơi và ở lại nhưng không tham gia việc lừa đảo. Đến ngày 17/7/2023, cả bọn về quê do T13 và T29 phát hiện một số người làm lừa đảo quê ở Ú, TP Hà Nội bị bắt. Đến ngày 22/7/2023, T13 thanh lý hợp đồng thuê căn số 2517, Tòa S1.06, chỉ còn quản lý căn số 2012, Tòa S1.06.

Ngày 24/7/2023, T13, Đ5, T12, H30 trở lại căn hộ cũ số 2012 mang theo các thiết bị để làm lừa đảo. Thời điểm này, Trần Hoa Đ5 học việc, thực hiện việc chạy quảng cáo cho đến hết ngày 03/8/2023. Thời điểm này, T29 không đến ở cùng T13 mà nhờ T13 dạy cách lừa đảo cho 02 người phụ nữ (không rõ lai lịch). Đến ngày 03/8/2023, T29 đến đón 02 người này và mang theo 02 máy tính cây đi.

Quá trình làm thuê cho T13, Trần Văn T12 thực hiện công việc chạy quảng cáo, được T13 trả lương tổng số tiền: 10.000.000 đồng; Lý Văn D8 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương số tiền: 4.500.000 đồng; Đỗ Thị Huyền T21 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương số tiền: 2.000.000 đồng; Trần Hoa Đ5 thực hiện công việc chạy quảng cáo, không thoả thuận nhận lương; Bùi Thị Thanh H30 không tham gia thực hiện công việc lừa đảo, không được hưởng lợi ích vật chất gì.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, xác định nhóm Trần Thanh T13 trực tiếp quản lý, sử dụng và cho các đối tượng chủ nhóm khác sử dụng chung gồm các tài khoản zalo, ngân hàng và G2 để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gồm:

- Tài khoản Zalo: Nguyễn Hữu M4; Trần Trọng N12; Lưu Đức H32; Hứa Văn C8; Vũ Huy T33.

- Tài khoản ngân hàng: MB mang tên Tran Hoa Da số 27858888386666; VCB mang tên Nguyen Thi K3 Hang số 9565282561; VPB mang tên Nguyen Thi Minh T22 số 9785197102; A8 mang tên Quach Van K4 số 6345221; MB mang tên Hoang Van K5 số 50460999; TCB mang tên Nguyen Thi Khanh V7 số 19070309688014;

VPB mang tên Nguyen Thi Minh T22 số 0565282561; TCB mang tên Huynh H33 số 4465838666.

- Tài khoản Game: K10; dùng chung kubetZZC với Trần Văn S.

Quá trình điều tra xác định, nhóm bị cáo Trần Thanh T13 và đồng phạm (gồm Trần Thanh T13; Trần Văn T12; Lý Văn D8; Trần Văn T29) đã lừa đảo chiếm đoạt của 11 bị hại với tổng số tiền là **219.660.000 đồng**.

7. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Trần Đức K:

Khoảng tháng 10/2022, Trần Đức K liên hệ với 01 người trên mạng xã hội Facebook mua 100 tài khoản Facebook ảo với giá 18.000 đồng/ 1 tài khoản. Đồng thời, K mua số điện thoại 0866.918.650 để tạo tài khoản Zalo có tên “Phí Anh T34”, tạo lập 01 tài khoản Game trên trang mạng Rikvip có tên đăng nhập “Duckha2001”. Sau khi có các tài khoản trên, Khách thuê phòng S2.08- 08-24 Vinhomes OCENPARK thuộc xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội và mua 02 bộ máy tính phục vụ mục đích lừa đảo. Sau đó, K thuê Phạm Đức L14, sinh năm 2000 trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện M, TP Hà Nội chạy quảng cáo cho K dưới hình thức đăng các bài quảng cáo cho vay tiền ngân hàng lãi suất thấp, kèm theo Zalo được liên kết với số điện thoại 0866.918.650 cho khách hàng liên hệ trên các trang, nhóm vay tiền Online. Khi có khách hàng liên hệ để hỏi vay tiền thì họ nhấn tin vào tài khoản zalo của K theo số điện thoại đăng trên bài viết. Lúc này, K tư vấn cho người vay tiền theo hình thức vay tín chấp bằng căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu. Khi người có nhu cầu đồng ý vay tiền, K sẽ yêu cầu người vay trả phí hồ sơ là từ 1-2% khoản tiền khách có nhu cầu vay. Nếu khách hàng đồng ý chuyển khoản thì K sẽ gửi cho người vay tiền mã QR của tài khoản Game R để người vay tiền chuyển tiền vào. Khi nhận được tiền phí hồ sơ, K tiếp tục yêu cầu người vay chuyển các khoản tiền để giải ngân khoản vay gồm: Tiền bảo hiểm khoản vay từ 500.000 đồng đến 4.000.000 đồng; tiền giải ngân nhanh từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; tiền công chứng giấy tờ là 2.000.000 đồng; tiền mã OTP là 6.000.000 đồng, sau khi người vay chuyển tiền vào tài khoản game, K tiến hành chặn Zalo, hủy kết bạn Z với người vay tiền để chiếm đoạt tiền của người vay đã chuyển cho K. Tiếp đó, K đăng nhập tài khoản G2 và rút tiền về tài khoản ngân hàng Q3 mang tên Trần Đức K có số tài khoản 0388284243. Đến khoảng tháng 4/2023, K mua số tài khoản mang tên Phan Văn M5 tại ngân hàng A8 có số tài khoản 7039141 để lừa đảo. Bằng hình thức trên, người vay chuyển tiền vào số tài khoản Phan Văn M5, sau đó K chuyển tiền từ tài khoản Phan Văn M5 vào tài khoản Game rồi chuyển tiền về tài khoản tại ngân hàng MB của K. Sau khi chiếm đoạt tiền của người vay, K hủy kết bạn tài khoản Z với người vay tiền.

Đến tháng 6/2023, L14 nghỉ không làm việc cho K tiếp. Khả thuê thêm Đào Văn T35 chạy quảng cáo cho K để lừa đảo và thoả thuận mỗi tháng trả cho T35 6.000.000 đồng, đồng thời giao cho T35 quản lý 130 tài khoản Facebook ảo.

Ngày 25/6/2023, K và Trần Trung H8 cùng nhau thuê căn hộ mới số 12A18, Toà S1.10 Vinhomes OCENPARK để hoạt động lừa đảo. Lúc này, K và H8 hoạt động lừa đảo theo nhóm. Nhóm của K có M5 và T35, còn Hiếu học của K cách thức lừa đảo qua mạng. Khả vẫn hướng dẫn, hỗ trợ H8 thực hiện và giúp H8 trong việc tư vấn khách hàng để chiếm đoạt tài sản.

Đến ngày 06/7/2023, K thuê thêm Trần Công M6 chạy quảng cáo giúp K thực hiện hành vi lừa đảo. K, T35 và M6 cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến ngày 04/8/2023 thì bị phát hiện.

Cơ quan điều tra xác định nhóm Trần Đức K trực tiếp quản lý, sử dụng và cho các đối tượng chủ nhóm khác sử dụng chung gồm các tài khoản Zalo, ngân hàng V13 để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gồm:

- Tài khoản zalo tư vấn: “Phí Anh T34”;
- Tài khoản Zalo để chuyển hồ sơ hợp đồng soạn thảo từ máy tính cây đến tài khoản Zalo để tư vấn trên máy điện thoại di động: “Nguyễn Việt T36”;
- Tài khoản ngân hàng nhận tiền lừa đảo: A8 mang tên Dang Nguyen Phuong Anh số 10635111; A8 mang tên Pham Van M7 số 7039141; MB mang tên Duong Thi M; MB mang tên Cao Van K6 số 67771119072001; Tài khoản ngân hàng Q3 mang tên Trần Đức K số 0388284243;
- Tài khoản Game: Rikvip: DUCKHA2011; Kubet: LAODE8686.

Kết quả điều tra xác định, nhóm bị cáo Trần Đức K và đồng phạm (gồm Trần Đức K; Trần Công M6; Đào Văn T35; Phạm Đức L14) đã lừa đảo chiếm đoạt của 08 bị hại với tổng số tiền là **121.666.000 đồng**.

8. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm bị cáo Trần Trung H8:

Trần Trung H8 và Trần Đức K là bạn học cùng nhau nên K và H8 thoả thuận, rủ nhau cùng thực hiện hành vi lừa đảo dưới hình thức giả danh nhân viên ngân hàng. Ngày 24/6/2023, H8 có mặt tại khu đô thị V để chuẩn bị địa điểm, các thiết bị thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cùng với K.

Ngày 25/6/2023, K thuê căn hộ 12A18 toà S1.10, chuẩn bị người làm thuê và hướng dẫn H8 cách thức sử dụng thiết bị, chuẩn bị hồ sơ và hướng dẫn chạy quảng cáo, tư vấn. H8 đã đặt mua qua mạng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus có sẵn 01 tài khoản Zalo “Nguyễn Như N13” và tự mua sim rác lập mới 01 Zalo “Trần Ngọc Đ6”, sử dụng các thông tin, thẻ nhân viên ngân hàng có sẵn trên

mạng như Nguyễn Công Đ7, Trần Ngọc Đ6 để sử dụng vào việc tư vấn, mua các Facebook ảo và 03 bộ cây máy vi tính để thực hiện việc chạy quảng cáo, giả danh nhân viên nhân hàng để chiếm đoạt tài sản.

Đến khoảng ngày 03/7/2023, H8 gặp Đỗ Văn H17, sinh năm 2001, trú tại thôn G, xã P, huyện M, thành phố Hà Nội là bạn học cùng cấp 3 với H8 tại trường THPT H44, thuộc huyện M, Hà Nội. Quá trình trao đổi với H17 về việc lừa đảo tiền trên trang mạng xã hội, H17 nói có mối rửa nguồn tiền trên của H8, phí rửa tiền sẽ là 100.000 đồng/2.500.000 đồng. H8 đồng ý nên H17 hướng dẫn và cung cấp cho H8 tạo một số tài khoản Zalo ảo để sử dụng vào việc lừa đảo và gửi số điện thoại đăng kí Zalo này cho H8. Sau khi lập nick Zalo ảo là “Nguyễn Như L8”, lập bằng số điện thoại không chính chủ (sim rác) thì Huỳnh gửi liên kết để H8 kết bạn với nick Z “Nguyễn Thanh T19” là tài khoản Zalo của H17. Huỳnh gửi cho H8 02 số tài khoản Ngân hàng T45 mang tên “Diệu Thị Mỹ H34” số tài khoản 19071006566011 và tài khoản Ngân hàng T45 mang tên “Nguyễn Thị Trà G3” số tài khoản 1907055571017 đồng thời hướng dẫn H8 yêu cầu bị hại chuyển tiền vào các số tài khoản này. H8 và H17 thống nhất khi H8 lừa được tiền người vay thì chụp lại các bill số tiền của người bị H8 lừa chuyển tiền vào tài khoản trên rồi báo lại cho H17 biết tổng số tiền của những người chuyển đến. Khi nào thanh toán sẽ tính tổng số tiền lừa đảo được, cắt chi phí như đã thỏa thuận (04%). Huỳnh sử dụng số tài khoản MB 9000122112001 mang tên Đỗ Văn H17 chuyển tiền đến số tài khoản ngân hàng V14 và ngân hàng M11 số 0978135371 của Trần Trung H8.

Sau đó H8 thuê Trần Văn T29, sinh 2004, trú tại thôn Đ, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội và Cao Văn Đ8, sinh 2005, trú tại thôn H, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội. Trong đó H8 thuê T29 chạy quảng cáo từ ngày 01/7/2023, thuê Đ8 chạy quảng cáo từ ngày 06/7/2023 và thỏa thuận trả lương 6.000.000đ/1 tháng. T29 và Đ8 chạy quảng cáo cho vay tiền Online trên các nhóm vay tiền O2 và đăng thông tin vay tiền, khi có người vay vốn thì sẽ liên hệ zalo qua số điện thoại do T29 và Đ8 đăng trên các hội nhóm vay vốn. H8 sẽ là người trả lời qua tin nhắn, K phụ giúp trong việc tư vấn trực tiếp gọi điện qua tài khoản Zalo cho khách hàng. Hoạt động lừa đảo đến khoảng cuối tháng 7/2023, K tiếp tục mua số tài khoản ngân hàng A8 số 10635111 mang tên Đặng Nguyễn Phương A6 để thực hiện hành vi lừa đảo. Đến ngày 20/7/2023 H8, T29, Đ8 về nhà và trả lương cho T29 và Đ8. Quá trình làm thuê, Trần Văn T29 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương số tiền: 6.000.000 đồng; Cao Văn Đ8 thực hiện công việc chạy quảng cáo, nhận lương số tiền: 3.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, những người bị hại chuyển tiền đến 02 tài khoản mà Đỗ Văn H17 quản lý theo hướng dẫn của Trần Trung H8. Theo H17 khai, H17 sẽ thông báo cho Phạm Đăng M8 là người đã thoả thuận với H17 trước đó để M8 thực hiện việc đổi tiền qua tác tài khoản Game. Sau khi M8 đổi tiền qua các tài khoản Game Kubet và chuyển lại tiền cho Huỳnh qua tài khoản ngân hàng chính chủ, H17 sẽ chuyển trả lại H8 bằng tài khoản ngân hàng chính chủ của H8. Căn cứ kết quả điều tra xác định Đỗ Văn H17 sử dụng tài khoản Zalo “Trần Ngọc Đ6”, “Nguyễn Công Đ7” để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 38.099.000 đồng của anh Trần Nguyễn Như K7, sinh năm 2001 trú tại số D, đường P, phường V, TP N, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 06/6/2003.

Phạm Đăng M8 khai nhận bản thân sử dụng nhiều tài khoản Game Kubet và nhiều tài khoản ngân hàng do M8 thuê hoặc mua trên mạng. Mỗi khi H17 nhờ đổi tiền, M8 đã thực hiện việc cung cấp mã QR của các tài khoản nạp tiền trong G4 để Huỳnh chuyển đến. Sau đó, M8 thực hiện thao tác cân điểm và chuyển tiền về tài khoản ngân hàng của M8 quản lý rồi tiếp tục chuyển trả lại cho H17. Tuy nhiên, M8 khai không thu tiền phí hoa hồng cũng như không biết rõ nguồn gốc số tiền H17 nhờ đổi.

Kết quả điều tra xác định, nhóm bị cáo Trần Trung H8 và đồng phạm (gồm Trần Trung H8; Cao Văn Đ8; Trần Văn T29; Đỗ Văn H17) đã lừa đảo chiếm đoạt của 04 bị hại với tổng số tiền là 36.462.000 đồng. Đỗ Văn H17 còn trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 01 bị hại với số tiền là: 38.099.000 đồng.

Trong vụ án này, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập làm việc với các đối tượng có liên quan, chung sống tại Khu đô thị V tại thời điểm mà các bị cáo có mặt thực hiện hành vi phạm tội trong đó có: Nguyễn Hoàng N4, sinh năm 2001; Nguyễn Văn H28, sinh năm 2001, Trần Tuấn V8, sinh năm 2006; Trần Văn H35, sinh năm 2001, Trần Gia T37, sinh năm 1998 cùng trú tại xã A, huyện M, TP Hà Nội; Bùi Quang K8, sinh năm 20204, trú tại xã H, huyện M, TP Hà Nội; Đỗ Huyền T21, sinh năm 2006 trú tại thôn N, xã H, huyện Ú, Hà Nội; Thân Thanh T38, sinh năm 2005, trú tại xã H, huyện M, TP Hà Nội; Trần Trọng T39, sinh năm 2007, trú tại xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình; Nông Thúy T40, sinh năm 2001 trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Tại Cơ quan điều tra, những đối tượng này đều khai báo về việc không thực hiện hoặc tham gia cùng các bị cáo, đối tượng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngoài lời khai của các bị cáo, đối tượng khai báo cũng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của những người nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc nhưng không

thu giữ được tài liệu chứng minh hành vi phạm tội nên chưa có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với Hoàng Minh A2 có hành vi sử dụng tài khoản Zalo tư vấn giả danh nhân viên ngân hàng V14 để chiếm đoạt tiền của người có nhu cầu vay tiền. Quá trình thực hiện hành vi lừa đảo, Minh A2 cho các bị cáo Trần Văn S, Trần Long V4 sử dụng tài khoản Game Kubet (tài khoản G2) để S và V4 chuyển tiền chiếm đoạt được của các bị hại vào tài khoản Game Kubet nhằm hợp thức hoá nguồn tiền chiếm đoạt. Tuy nhiên, Minh A2 thực hiện hành vi lừa đảo độc lập, không tư vấn, không làm hợp đồng giúp các bị cáo S và V4 trong việc chiếm đoạt tiền của người vay; mặt khác, việc S và V4 sử dụng tài khoản G4 thế nào, Minh A2 không biết và không được S và V4 thông báo cho biết mỗi khi chiếm đoạt được tiền của các bị hại. Tài liệu điều tra đến nay chưa có căn cứ xác định có bị hại đã bị Hoàng Minh A2 chiếm đoạt tài sản, dữ liệu tài khoản Game Kubet không thu giữ được, Minh A2 không thoả thuận và không được hưởng lợi gì trong việc cho S và V4 mượn tài khoản G4 cho nên chưa đủ căn cứ để xác định Hoàng Minh A2 có vai trò đồng phạm với các bị cáo Trần Văn S và Trần Long V4 trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với hành vi của các đối tượng liên quan khác gồm: Lưu Trung D4 có hành vi giới thiệu Nguyễn Chí T14 đến làm thuê cho bị cáo Trần Văn S; Phạm Đức L14 giới thiệu Lê Công T41 đến làm thuê cho Minh A2; Sau đó, Lê Công T41 giới thiệu Đào Văn T35 và Trần Công M6 đến làm thuê cho Trần Đức K; Lương Thị H24 giới thiệu Vi Văn D6 đến làm thuê cho Hoàng Minh A2; Nguyễn Tiến S3 giới thiệu Cao Văn Đ8 đến làm thuê cho Trần Trung H8 (thông qua bạn của Trần Trung H8 là Trần Tuấn V8); Trần Xuân T42 giới thiệu Trần Văn T29 đến làm thuê cho Trần Trung H8 (thông qua Trần Đức K); Trịnh Xuân T23 giới thiệu Nguyễn Lam Chí T27 đến làm thuê cho Nguyễn Bá T11; Nguyễn Hữu T43 giới thiệu Nguyễn Tuấn L10 đến làm thuê cho Trần Long V4; Bùi Thị Thanh P1 giới thiệu em ruột là Bùi Văn L9 đến làm thuê cho Trần Văn T29; Bạch Bảo H20 giới thiệu Bùi Văn L9 đến làm thuê cho Trần Văn S; Đinh Thiện B7 giới thiệu Lý Văn D8 đến làm thuê cho Trần Văn T29; Bùi Văn L9 giới thiệu Nguyễn Đức H9 đến làm thuê cho Trần Văn T29; Lê Viết M9 giới thiệu Nguyễn Đức H9 đến làm thuê cho Trần Văn M1 (thông qua Trịnh Tứ H2); Bùi Thùy D3 giới thiệu Nguyễn Ngọc T15 đến làm thuê cho Nguyễn Bá T11.

Trần Thị Thu H18 (người yêu của Trần Văn S), Đinh Thị Phương H36 (người yêu của Nguyễn Chí T14), Bùi Thị Thanh H30 (người yêu của Trần Thanh T13), Trần Văn H35 (bạn của Trần Đức K) ở cùng các bị cáo và biết quá trình các bị cáo

thực hiện hành vi phạm tội; Trần Xuân T42, Lê Văn H37 chạy quảng cáo thuê cho Trần Đức K; Bùi Văn M2 chạy quảng cáo thuê cho Nguyễn Bá T11.

Kết quả điều tra xác định các đối tượng nêu trên chỉ có vai trò giới thiệu, không thoả thuận trực tiếp với các bị cáo trong việc thực hiện hành vi lừa đảo theo sự phân công của các chủ nhóm; hoặc chỉ thực hiện hành vi trong một thời gian ngắn và không xác định có bị hại; một số đối tượng ở cùng bị cáo nhưng không thực hiện hành vi giúp sức cho các bị cáo để chiếm đoạt tài sản; các đối tượng Đỗ Thị Huyền T21, Bùi Xuân Á, Nguyễn Tuấn L10, Bạch Bảo H20 đều chưa đủ 16 tuổi. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự các đối tượng này.

Đối với Quách Văn K2 thực hiện việc đăng ký 01 tài khoản số 6345221 ngân hàng A8 rồi bán cho bị cáo Trần Thanh T13 với giá 3.000.000 đồng. Trước khi giao dịch, K2 không được T13 nói cho biết mục đích sử dụng thẻ để lừa đảo. Sau khi mua thẻ, T13 đã giao lại cho bị cáo Trần Văn S để đăng ký tài khoản Game kubet TRANVANSY2 rồi sử dụng vào việc đổi tiền chiếm đoạt. Từ ngày 15/02/2023 đến ngày 18/3/2023, Đỗ Thị Huyền T21 thực hiện công việc chạy quảng cáo thuê tại nhóm bị cáo Trần Văn S để chiếm đoạt số tiền 194.450.000 đồng; Từ ngày 27/4/2023 đến ngày 04/8/2023, Bạch Bảo H20 thực hiện công việc chạy quảng cáo thuê tại nhóm bị cáo Trần Văn S chiếm đoạt số tiền 270.000.000 đồng; Từ ngày 11/6/2023 đến ngày 27/7/2023, Bùi Xuân Á thực hiện công việc chạy quảng cáo thuê tại nhóm bị cáo Trần Văn S chiếm đoạt số tiền 196.990.000 đồng; Từ ngày 25/7/2023 đến ngày 04/8/2023, Trần Hoa Đ5 thực hiện công việc chạy quảng cáo giúp anh ruột là Trần Thanh T13 chiếm đoạt số tiền 1.150.000 đồng; Từ ngày 27/3/2023 đến ngày 04/8/2023, Nguyễn Tuấn L10 thực hiện công việc chạy quảng cáo thuê tại nhóm bị cáo Trần Long V4 chiếm đoạt số tiền: 1.055.445.000 đồng. Tuy nhiên, thời điểm T21, Á, L10, H20 thực hiện hành vi phạm tội đều từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi. Căn cứ khoản 2, Điều 12 Bộ luật Hình sự thì hành vi phạm tội của T21, Á, L10, H20 không phải chịu trách nhiệm hình sự; hành vi của Trần Hoa Đ5 chiếm đoạt số tiền 1.150.000 đồng không đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ hành vi mà các đối tượng liên quan thực hiện, ngày 12/7/2024, Phòng C9 Công an tỉnh B đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Hoa Đ5; Nguyễn Tuấn L10; Bùi Xuân Á; Bạch Bảo H20 theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, ngoài các bị hại đã xác định được, Cơ quan điều tra còn Ủy thác đến các Cơ quan điều tra Công an các đơn vị địa phương trên toàn quốc để xác minh các tài khoản đối ứng của các tài khoản ngân hàng bị hại hoặc theo các hợp

đồng thu giữ trên dữ liệu điện thoại, máy tính của các nhóm bị cáo để xác định bị hại, số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt. Tuy nhiên, đến nay chưa có kết quả, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định số 2893/QĐ-CSHS ngày 23/7/2024 tách tài liệu đối với các nội dung nêu trên. Khi có kết quả ủy thác điều tra của các Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra giải quyết theo quy định.

Đối với Bùi Thùy D3 có hành vi giúp sức cho bị cáo Nguyễn Bá T11 trong việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của 12 bị hại, hiện nay, D3 đã bỏ trốn khỏi địa phương, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định tách vụ án, tạm đình chỉ bị cáo và yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B ra Quyết định truy nã đối với Bùi Thùy D3. Khi nào bắt được D3 sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Lê Thị X (sinh năm 1967, trú tại Thôn A, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội) là mẹ đẻ của Trần Văn S giao nộp: 50.000.000 đồng; Chị Trần Thị Thu H18 (sinh năm 2004, trú tại thôn P, xã P, huyện Ú, thành phố Hà Nội) là bạn gái của Trần Văn S tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo S.

- Ông Trần Văn O1 (sinh năm 1976, trú tại Thôn A, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội) là bố đẻ của Trần Trung H8 giao nộp 40.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo H8.

- Bị cáo Trần Văn Đ và gia đình giao nộp 50.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Phan Hồng S4, sinh năm 1997, trú tại thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 16.750.000 đồng; bồi thường cho bị hại Nguyễn Thu L18, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T, huyện B, TP Hà Nội số tiền 40.100.000 đồng; bồi thường cho bị hại Lê Thị H38, sinh năm 2001, trú tại thôn C, xã T, huyện M, TP Hà Nội 13.940.000 đồng. Anh S4, chị L18 và chị H38 không yêu cầu bồi thường về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Đ.

- Các bị cáo Trần Đức K và Phạm Đức L14 đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn H39, sinh năm 2003, trú tại số nhà D, đường N, phường N, thành phố B số tiền 72.100.000 đồng. Anh H39 không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho K và L14.

Những người bị hại khác chưa được bồi thường yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn S** 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g, o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 06/02/2024.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đức K** 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 22/12/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Trung H8** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 22/12/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn T2** 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Anh N** 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2023 đến ngày 29/12/2023

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Minh H5** 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 29/12/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Tứ H2** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Tiến D** 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 06/02/2024.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lò Duy V** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hà P** 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 12/8/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thúy H10** 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H9** 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo không kháng cáo khác, trách nhiệm dân sự, số tiền thu lợi bất chính, xác nhận các bị cáo đã nộp các khoản tiền tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang, phong tỏa tài khoản tại ngân hàng do các bị cáo đang quản lý để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của các bị cáo, tiếp tục tạm giữ số tiền trong tài khoản để đảm bảo thi hành án đối với nghĩa vụ của các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí, lãi suất chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Ngày 16/01/2025, bị cáo Trần Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 14/01/2025, bị cáo Trần Thanh T13 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/4/2025, bị cáo đã tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

- Ngày 23/01/2025, bị cáo Lương Anh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 22/01/2025, bị cáo Lê Văn C4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 14/02/2025, bị cáo đã tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

- Ngày 16/01/2025, bị cáo Đỗ Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 23/01/2025, bị cáo Trịnh Tứ H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 16/01/2025, bị cáo Nguyễn Đức H9 kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 20/01/2025, bị cáo Vũ Tiến D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 24/01/2025, bị cáo Trần Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 24/01/2025, bị cáo Đinh Minh H5 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 20/01/2025, bị cáo Lò Duy V kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 16/01/2025, bị cáo Bùi Thị Thúy H10 kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 16/01/2025, bị cáo Nguyễn Thị Hà P kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

- Ngày 21/01/2025, bị cáo Trần Đức K kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa bị cáo xin tự nguyện rút kháng cáo.

- Ngày 14/01/2025, bị cáo Trần Trung H8 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo có xuất trình các tình tiết giảm nhẹ:

- Lò Duy V nộp Huân chương kháng chiến hạng nhì ông Quảng Văn P5 là ông ngoại của V. Bị cáo trình bày mẹ bị u dây VIII trái. Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông nội có tham gia cách mạng, mẹ bị cáo bị bệnh, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T.

- Vũ Tiến D ủng hộ 500.000 đồng các hoàn cảnh khó khăn trong dịp tết nguyên đán Ất Tỵ được Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã A xác nhận.

- Nguyễn Thị Hà P nộp giấy siêu âm có thai.

- Trần Trung H8 nộp 2.000.000 đồng để ủng hộ các hoàn cảnh khó khăn trong dịp tết nguyên đán Ất Tỵ được Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã A xác nhận.

- Trần Văn S đã bồi thường cho chị Đinh Thị B8 36.780.000 đồng, bồi thường cho chị Bùi Thị N14 3.950.000 đồng. Bị hại Đinh Thị B8 và Bùi Thị N14 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có xác nhận hộ cận nghèo nhưng từ năm 2023. Bị cáo có nộp các phiếu siêu âm của mẹ bị cáo nhưng không thể hiện kết luận khám của bác sĩ.

- Trần Văn Đ và Trần Thị Thanh H21 bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh H40 47.208.000 đồng (trong đó Trần Văn Đ 20.000.000 đồng, Trần Thị Thanh H21 27.208.000), bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Trần Văn Đ và Đinh Minh H5 bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc A7 33.000.000 đồng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Trần Văn Đ bồi thường cho ông Lê Hữu H41 32.800.000 đồng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Trần Đức K nộp biên lai tiền án phí sơ thẩm 200.000 đồng.

- Lương Anh N bồi thường cho bị hại Trịnh Khánh L19 3.300.000 đồng, bồi thường cho bị hại Nguyễn Hương G 4.630.000 đồng. Hai bị hại có đơn xin giảm án cho bị cáo.

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên lời khai đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bố bị cáo H9 thừa nhận, bị cáo bỏ nhà đi nhiều tháng, không liên lạc với gia đình, nhưng gia đình không đi tìm, không đăng báo, không báo công an, thừa nhận có sai sót trong quản lý giám sát bị cáo.

Bà Nguyễn Thị H1 mẹ bị cáo T2 thừa nhận do vất vả nên không có thời gian để quan tâm đến T2, nhận sai sót trong quản lý giáo dục bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo S đề nghị xem xét: Bị cáo hộ cận nghèo, miễn giảm án phí của bản án sơ thẩm. Luật sư cho rằng đã cộng dồn các khoản tiền chiếm đoạt để áp dụng khoản 4 thì không bị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Luật sư cũng cho rằng, tinh thần sửa đổi luật đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hình phạt theo hướng nhẹ hơn. Theo hồ sơ vụ án, kết luận điều tra, cáo trạng thì trong các bị hại của nhóm Trần Văn S thì có 3 bị hại không yêu cầu trả lại tiền hay bồi thường thiệt hại đó là Sỳ Ngọc P6, Nguyễn Mai H42, Nguyễn Văn H43, tổng số tiền không yêu cầu bồi thường là 38.900.000 đồng nhưng trong bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn kết luận bị cáo S phải có trách nhiệm dân sự là bồi thường thiệt hại cho 3 bị hại này, đề nghị loại bỏ, giảm trừ

38.900.000 đồng. Trần Văn S đã bồi thường cho bà Đinh Thị B8 36.780.000 đồng, bồi thường cho Bùi Thị N14 3.950.000 đồng nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm dân sự của bị cáo S đối với phần đã nộp đó. Bị hại là chị L19 và chị G bị nhóm bị cáo S chiếm đoạt, được bị cáo N bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thêm số tiền bị cáo N bồi thường cho 2 bị hại này để giảm trừ trách nhiệm dân sự cho bị cáo S. Đề nghị giảm cho bị cáo hình phạt xuống 11 năm 6 tháng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Trung H8 trình bày: Các bị cáo gây thiệt hại không lớn, cùng thực hiện hành vi lừa đảo với bị cáo khác nhưng nhóm của H8 gây ra thiệt hại nhỏ nhất, không chuẩn bị công cụ phương tiện để phạm tội, số lượng hành vi ít nhất, nhóm chỉ có 3 người và có thời gian hoạt động ngắn, khoảng 20 ngày thì các bị cáo tự dừng lại, Bị cáo ở địa phương luôn hoạt động tích cực, đóng góp cho hoạt động thiện nguyện ở địa phương. Số tiền hưởng lợi 58 triệu đồng thì kết luận điều tra tại trang 22 số tiền 36.465.000 đồng được chứng minh bởi sao kê zalo và tài liệu ngân hàng của 4 bị hại. Tòa án sơ thẩm đang có sự nhầm lẫn về mặt số liệu, Tòa án cho rằng bị cáo hưởng lợi 58 triệu đồng, trên cơ sở bố bị cáo đã nộp 40 triệu đồng tiền khắc phục hậu quả, có 1 bị hại không yêu cầu bồi thường, tổng số tiền dư ra của bị cáo là 7.718.000 đồng, Tòa án yêu cầu giữ lại để khắc phục hậu quả. Trên cơ sở số tiền hưởng lợi 58 triệu đồng thì Tòa án đề nghị bị cáo phải khắc phục số tiền 50.282.000 đồng là nhầm lẫn về mặt số liệu. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo H8 từ 18-21 tháng.

Bị cáo D: Cho rằng hình phạt đối với bị cáo là nặng, đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về gia đình và vợ con.

Trợ giúp viên pháp lý; Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà P: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điều 119, 124 Luật tư pháp người chưa thành niên, bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, có thai, giảm cho bị cáo mức án còn 02 năm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H1: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự vì bị cáo ra đầu thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đề nghị áp dụng Nghị quyết 01/2022; Điều 119, 124 Luật tư pháp người chưa thành niên, giảm án cho bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo V: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án 03 năm 6 tháng tù với bị cáo là nặng. Bị cáo ra đầu thú nên được hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người chưa thành niên, nhân thân chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức

pháp luật còn hạn chế. Bị cáo V nộp thêm tình tiết ông là người có công có cách mạng, mẹ bị cáo phẫu thuật mắc bệnh hiểm nghèo. Bị cáo tham gia vụ án với vai trò không đáng kể. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên giảm cho bị cáo mức án còn 02 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H2: Không đồng ý áp dụng điểm a khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự là phạm tội có tổ chức; sau phạm tội thì H2 tác động gia đình trả 40 triệu đồng trả cho bị hại, luật sư cho rằng 40 triệu đồng bị cáo hưởng lợi là tiền công chứ không phải tiền thu lợi bất chính, do đó không buộc truy thu, mà bị cáo nộp lại thì áp dụng là bồi thường khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tham gia vụ án với vai trò không đáng kể đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên, giảm cho bị cáo mức án 03 (ba) năm nhưng cho hưởng án treo.

Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo H9: Bị cáo ra đầu thú nên được hưởng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người chưa thành niên, nhân thân chưa tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T2: Bị cáo tham gia vụ án với vai trò không đáng kể, T2 nộp 15 triệu đồng tiền lương, tự nguyện nộp thừa 20 triệu đồng, mong muốn dùng 20 triệu đồng để bồi thường cho bị hại trong vụ án nhưng không xác định được bị hại cụ thể. Bị cáo là người chưa thành niên, nhân thân tốt phạm tội lần đầu, nhà nghèo phải đi làm thuê kiếm sống, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức còn hạn chế, quá trình gia đình bị cáo bồi thường nộp khoản tiền thu lợi bất chính. Đề nghị áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 (đầu thú) Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên, giảm cho bị cáo mức án còn 4-5 năm tù.

Luật sư; Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo N: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại Trịnh Khánh L19 3.300.000 đồng, bị hại Nguyễn Hương G 4.630.000 đồng. Hai bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Mẹ bị cáo bị thận giai đoạn 3, bị cáo hở van tim đề nghị căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt, cho hưởng mức án 11 năm tù.

Luật sư Đinh Thị Kim T9 bào chữa cho các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi: Đề nghị áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên, đề nghị áp dụng Điều 3, Điều 17, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101

Bộ luật Hình sự để giảm án và cho hưởng án treo với các bị cáo: Đỗ Văn T2, Trịnh Tứ H2, Nguyễn Đức H9, Lò Duy V, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Thị Hà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K đã tự nguyện rút đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo K.

- Xét nội dung kháng cáo: Qua quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, trong đó Trần Văn S, Lương Anh N, Đỗ Văn T2 theo điểm a khoản 4 Điều 174; Trịnh Tứ H2, Nguyễn Đức H9, Vũ Tiến D, Trần Văn Đ, Đinh Minh H5, Lò Duy V, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Thị Hà P theo điểm a khoản 3 Điều 174 và Trần Trung H8 theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Các bị cáo có nhà ở Hà Nội nhưng không về nhà mà thuê nhà ở riêng, sống tập thể với nhau, bị cáo đầu nhóm phân công cho mỗi bị cáo từng khâu trong quá trình lừa đảo người bị hại. Các bị cáo khác trong nhóm tiếp nhận ý chí của bị cáo đầu nhóm mà cùng thực hiện, việc lừa đảo có thể làm qua mạng từ xa, nhưng các bị cáo vẫn tập trung tại một chỗ để dễ dàng phối hợp hành động, hành vi lừa đảo qua mạng diễn ra thời gian dài do đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng theo điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là đúng. Một số bị cáo là người đã thành niên còn có thêm tình tiết tăng nặng theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét kháng cáo của các bị cáo và ý kiến của người bào chữa: Luật sư của bị cáo cho rằng đã tính tổng số tiền để áp dụng khoản tăng nặng cho bị cáo trong điều luật nên không được áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần. Tuy nhiên nhiều lần bị cáo phạm tội, mỗi lần đủ cấu thành tội phạm thì đều bị xác định là phạm tội nhiều lần. Ý kiến Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng thì cũng không có căn cứ. Vì hành vi của các bị cáo chấp nhận tham gia vào ổ nhóm tội phạm, ở chung cùng nhau, tiếp nhận sự phân công, hỗ trợ cho nhau trong hoạt động tội phạm để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người bị hại ở khắp nơi, diễn ra trong nhiều lần và nhiều ngày, chiếm đoạt số tiền lớn, nhóm chiếm đoạt ít nhất cũng thuộc khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt đến 7 năm tù do đó không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Luật sư cho rằng các bị cáo cần áp dụng hình phạt nhẹ hơn và phạt tù treo, tuy nhiên hình phạt áp dụng với các bị cáo chưa thành niên đều đã ở dưới khung, ở mức đầu của khung hình phạt liền kề. Các bị cáo thời điểm phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhưng đến nay đều đã trên 18 tuổi. Tiền khắc phục của các bị cáo không đáng kể. Hành vi phạm tội qua

mạng thời gian gần đây diễn ra có chiều hướng gia tăng, gây thiệt hại lớn cho những người bị hại trên khắp cả nước, gây bức xúc trong xã hội. Hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội phạm mạng du nhập từ nước ngoài nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục chung và răn đe phòng ngừa riêng. Do đó chỉ trường hợp bị cáo P là đang có thai là có thêm tình tiết giảm nhẹ đặc biệt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội. Các bị cáo khác trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Buộc các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, Luật sư bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị cáo T13 tự nguyện rút đơn kháng cáo tại phiên tòa ngày 21/4/2025; ngày 14/02/2025 bị cáo C4 đã có văn bản tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn C4, Trần Thanh T13. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K đã tự nguyện rút đơn, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, Luật sư bào chữa cho bị cáo D vắng mặt không rõ lý do, bị cáo không thuộc trường hợp chỉ định luật sư. Bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư. Tòa án đã triệu tập hợp lệ với bố mẹ các bị cáo - những người khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Ngoài ra còn báo qua điện thoại để những người này sắp xếp tham gia phiên tòa, tuy nhiên tại phiên tòa này chỉ có mặt bố bị cáo H9, mẹ bị cáo T2. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt. Tại phiên tòa, ông C6 đề nghị hoãn phiên tòa để mời người bào chữa. Tuy nhiên, bị cáo H9 (tới nay trên 18 tuổi) đã được mời 3 người bào chữa là 2 Luật sư và Trợ giúp viên pháp lý, bị cáo H9 đồng ý xét xử với những người bào chữa tại tòa. Phiên tòa mở lần này là lần thứ 2, quyền lợi của bị cáo đã được đảm bảo. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tiếp tục xét xử theo Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ Tòa án cấp sơ thẩm xem xét:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến tháng 8 năm 2023, lợi dụng nhu cầu vay vốn tăng cao của nhiều cá nhân, các nhóm đối tượng Trần Văn S, Trần Văn M1, Nguyễn Bá T11, Trần Văn Đ, Trần Thanh T13, Trần Trung H8, Trần Long V4 và Trần Đức K đã giả danh các ngân hàng, công ty tài chính đăng các nội dung quảng cáo không đúng sự thật về việc cho vay tiền với lãi suất thấp trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Z nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân. Để thực hiện hành vi lừa đảo, các nhóm bị cáo đã lôi kéo nhiều đối tượng khác cùng tham gia; thu mua hàng trăm sim điện thoại rác của nhiều nhà mạng viễn thông; hàng chục tài khoản ngân hàng ảo; Trang bị máy tính, điện thoại, tạo lập hàng nghìn tài khoản Facebook với các nguồn thông tin giả để làm công cụ, phương tiện phạm tội. Các đối tượng sử dụng sim rác tạo lập các tài khoản trên mạng xã hội Facebook, Zalo giả danh người khác với nhiều tên gọi khác nhau. Sau đó sử dụng điện thoại thông minh, máy tính bàn cài đặt các ứng dụng Zalo, Facebook, ứng dụng Banking của các ngân hàng để phục vụ cho việc chiếm đoạt tài sản.

Các bị cáo sử dụng nhiều tài khoản Facebook ảo khác nhau truy cập vào các trang Fanpage và hội nhóm của Facebook đăng tải nhiều bài viết có nội dung như: “Hỗ trợ vay tiêu dùng từ 10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng lãi suất hấp dẫn- Giải ngân nhanh, thủ tục chỉ cần CMND hoặc sổ hộ khẩu- Có nhiều gói để lựa chọn - Vui lòng kết bạn Zalo để được tư vấn miễn phí”. Khi có người tiếp cận vay tiền, các đối tượng sử dụng tài khoản Zalo giả danh người khác để liên lạc với người vay, gửi cho họ hình ảnh thể hiện các nội dung thông tin liên quan đến khoản vay và nhắn tin đưa ra các nội dung dẫn dụ, yêu cầu người vay cung cấp thông tin cá nhân, như: họ tên, số điện thoại, ảnh chụp CMND/CCCD, cung cấp số tài khoản ngân hàng, số điện thoại liên lạc, ảnh chụp chân dung... phục vụ làm hồ sơ vay. Khi người vay đồng ý và thực hiện theo yêu cầu, các đối tượng nhắn tin lại giả vờ thông báo cho bị hại là hồ sơ đã được duyệt vay. Đồng thời yêu cầu người vay thanh toán phí làm hồ sơ giao động từ 300.000 đồng đến 5.000.000 đồng tùy theo các gói vay và hứa hẹn sau khi người vay nộp phí sẽ được giải ngân khoản vay.

Sau khi dụ người vay chuyển tiền phục vụ hỗ trợ xác minh, duyệt khoản vay, các bị cáo tiếp tục viện dẫn hàng loạt các lý do khoản vay không được giải ngân xuất phát từ lỗi khai hồ sơ của người vay (như khai sai tên người hưởng thụ, đổi cách viết tên người hưởng thụ từ chữ in thường sang in hoa, không đủ điều kiện vay, thừa hoặc sai một số trên số căn cước công dân...). Từ đó, yêu cầu người vay phải nộp thêm các khoản tiền để bảo đảm khoản vay hoặc khắc phục lỗi hệ thống; hứa hẹn sẽ hoàn trả lại số tiền đã gửi cho khách hàng sau khi khoản vay được giải ngân. Khi người vay chuyển tiền vào số tài khoản của các đối tượng cung cấp hoặc khi người

vay phát hiện bị lừa thì các bị cáo sẽ lập tức chặn Z, ngắt liên lạc để chiếm đoạt tiền. Việc rút tiền sẽ được các bị cáo thực hiện qua khâu trung gian để tránh bị phát hiện, bị cáo cầm đầu sẽ đăng ký tài khoản trên web: <http://Kubet77.bet> mạng hoạt động đánh bạc trá hình) được liên kết với tài khoản chính chủ do bị cáo cầm đầu thiết lập, đăng ký. Từ tài khoản trên trang web: <http://Kubet77.bet> tiền lừa đảo sẽ được chuyển thẳng về tài khoản cá nhân của bị cáo, sau đó sẽ được chia theo tỉ lệ 70% - 30% hoặc 60% - 40% giữa bị cáo cầm đầu và các bị cáo khác.

Các bị cáo cầm đầu đã thuê thêm một số người khác và phân công nhiệm vụ cụ thể, câu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện hành vi lừa đảo; trong đó có người được phân công sử dụng máy tính để chạy Facebook, comment nhằm tăng tương tác, kích thích đến những người có nhu cầu vay vốn, người còn lại sử dụng điện thoại có kết nối Zalo (mạo danh nhân viên ngân hàng) để tư vấn, dụ dỗ người vay chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng đã được định sẵn. Bị cáo cầm đầu sẽ rút tiền trực tiếp từ tài khoản lừa đảo hoặc qua trang web cờ bạc trá hình.

Các bị cáo đều là người đầy đủ năng lực hành vi và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đều nhận thức rõ hành vi của mình là gian dối và biết rằng thông tin mình cung cấp là sai lệch, không đúng sự thật. Nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp vào quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi xét xử bị cáo Trần Văn S, Đỗ Văn T2, Lương Anh N theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn Đ, Đinh Minh H5, Trịnh Tứ H2, Vũ Tiến D, Lò Duy V, Nguyễn Thị Hà P, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Đức H9 theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Trung H8 theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ và xem xét đầy đủ khi áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: đối với các bị cáo Trần Văn S, Trần Văn Đ theo điểm a, g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trần Trung H8 áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với Đỗ Văn T2, Lương Anh N, Trịnh Tứ H2, Vũ Tiến D, Lò Duy V, Nguyễn Thị Hà P, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Đức H9 áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với Đinh Minh H5 áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân hóa vai trò các bị cáo đầu nhóm trong vụ án và các bị cáo theo số tiền chiếm đoạt là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mới, nhân thân các bị cáo: Các bị cáo có xuất trình các tình tiết giảm nhẹ: Lò Duy V nộp Huân chương kháng chiến hạng nhì ông Quảng Văn P5 là ông ngoại của V. Bố bị cáo trình bày mẹ bị u dây VIII trái, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã. Vũ Tiến D ủng hộ hoàn cảnh khó khăn 500.000 đồng được Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã A xác nhận. Trần Trung H8 nộp 2.000.000 đồng để ủng hộ hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã A xác nhận. Trần Văn S đã bồi thường cho bị hại Đinh Thị B8 36.780.000 đồng, bị hại Bùi Thị N14 3.950.000 đồng. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên trong tổng số tiền bị cáo phải khắc phục cho những người bị hại là 471.520.000 đồng thì số tiền hơn 40 triệu bị cáo khắc phục cho người bị hại là quá ít. So với số tiền còn lại bị cáo phải khắc phục chưa đến 1/3, Hội đồng xét xử vẫn cân nhắc áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có xác nhận hộ cận nghèo nhưng từ năm 2023, trong mục tích 2024 và 2025 không còn là hộ cận nghèo nên không được chấp nhận. Bị cáo có nộp các bản phiếu siêu âm của mẹ bị cáo nhưng không thể hiện kết luận khám của bác sĩ về tình trạng có bệnh hay không. Trần Văn Đ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh H40 20.000.000 đồng. Trần Thị Thanh H21 bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh H40 27.208.000 đồng. Trần Văn Đ và Đinh Minh H5 bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc A7 33.000.000 đồng. Trần Văn Đ bồi thường cho anh Lê Hữu H41 32.800.000 đồng. Lương Anh N bồi thường cho bị hại L19 3.300.000 đồng, bị hại G 4.650.000 đồng. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên áp dụng cho Đ, Đinh Minh H5, N tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Thị Hà P nộp giấy siêu âm có thai nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trần Đức K đã nộp án phí sơ thẩm 200.000 đồng.

Bị cáo Trần Trung H8, Trần Văn Đ có nhân thân xấu, năm 2020 bị Công an huyện M, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

[3.2] Xét ý kiến người bào chữa, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và những tình tiết tại mục [3.1] cân nhắc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo có một số ý kiến, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của V6 đại diện Viện kiểm sát bác ý kiến của người bào chữa về một số vấn đề sau: Người bào chữa cho rằng đã tính tổng số tiền để áp dụng khoản tăng nặng cho bị cáo trong điều luật nên không được áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần. Nhưng Tòa án đánh giá, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt đã cấu thành khung hình phạt tương ứng thể hiện mức độ của hành vi phạm tội. Còn bị cáo thực hiện nhiều lần mỗi lần đủ cấu thành tội phạm thì thể hiện tính chất nguy hiểm tăng lên của hành vi phạm tội. Do đó bị cáo vừa bị xử lý ở khung hình phạt tương xứng vừa phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần mới đảm bảo phân hóa, đánh giá tội phạm. Ý

kiến Luật sư cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cũng không có căn cứ. Vì hành vi của các bị cáo chấp nhận tham gia vào ổ nhóm tội phạm, có sự phân công chuyên biệt từng công đoạn, có sự gắn kết chặt chẽ với nhau, tiếp nối hành vi phạm tội của bị cáo này sẽ được bị cáo khác đảm nhận tiếp tục thực hiện ở công đoạn khác. Các bị cáo ở chung cùng nhau để giữ bí mật và tiếp nhận sự phân công, hỗ trợ cho nhau trong hoạt động tội phạm để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người bị hại ở khắp nơi, diễn ra trong nhiều lần và nhiều ngày, chiếm đoạt số tiền lớn. Nhóm chiếm đoạt ít nhất cũng thuộc khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt đến 7 năm tù. Các bị cáo đều tích cực, không có bị cáo nào bị ép buộc tham gia vào hành vi phạm tội do đó không có trường hợp nào thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về ý kiến người bào chữa cho rằng các bị cáo đã tự từ bỏ hành vi của mình trước khi cơ quan công an phát hiện là không chính xác vì: Bị cáo H9 cùng các bị cáo khác khai báo, ngày 04/08/2023, lực lượng công an tiến hành kiểm tra khám xét. Thời điểm đó H9 và các bị cáo đều có mặt tại đó và được cơ quan công an mời về trụ sở để làm việc. H9 cũng khai rõ H9 có mặt tại đó để cùng những người khác cùng nhau thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (BL 4311 trang 2). H9 bắt đầu làm từ ngày 05/06/2023 (BL 4319 trang 2) đến khi bị bắt là ngày 04/08/2023, nếu không bị bắt, các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Đánh giá tính chất hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại nhiều địa phương. Là hành vi nguy hiểm, có tính chất rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người bị hại trên khắp cả nước. Bản thân các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, muốn có nhiều tiền để phục vụ mục đích cá nhân nên các bị cáo đã hợp tác với nhau, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, nhiều ngày, thể hiện ý thức coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo có sự bàn bạc, gắn kết với nhau chặt chẽ, có sự phân công và chuyên môn hoá từng khâu, từng nhiệm vụ theo mỗi công đoạn như: có bị cáo chuyên đăng bài, có bị cáo chuyên tư vấn nhắn tin cho bị hại để bị hại chuyển tiền, có bị cáo chuyên rút tiền. Các bị cáo lập hàng nghìn tài khoản face book, và tài khoản zalo, tài khoản ngân hàng để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đầu nhóm chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, đăng tin lên mạng để tuyển người, các bị cáo khác tham gia tự nguyện. Thủ đoạn và cách tổ chức thực hiện tội phạm tương tự như tổ chức tội phạm lừa đảo có nguồn gốc từ nước ngoài mà gần đây Bộ C10 đã triệt phá được. Tội phạm mạng trong giai đoạn hiện nay đang có xu hướng gia tăng cả về tính chất mức độ phạm tội gây thiệt hại lớn cho nhân dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Diễn hình như vụ án Phó Đức N15 lừa đảo, trong đó có hàng nghìn sinh viên vẫn tự nguyện tham gia vào đường dây của Phó Đức N15, đẩy lên hồi chuông cảnh báo về thái độ coi thường

pháp luật, mức độ nguy hiểm của tội phạm này. Do đó cần phải có mức hình phạt tương xứng nhằm ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo Trần Văn S bồi thường thêm gần 40 triệu, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nộp thêm tiền bồi thường cho bị hại, nhưng không đáng kể so với số tiền 471.520.000 bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bồi thường; chưa được 1/3 số tiền còn lại phải bồi thường. Bị cáo là người cầm đầu đường dây, là bị cáo khởi xướng đầu tiên và các bị cáo khác học theo để phạm tội. Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm. Hình phạt với bị cáo đã rất thấp nên dù có tình tiết mới cũng không có cơ sở để Hội đồng xét xử giảm nhẹ thêm hình phạt đối với bị cáo.

Trần Văn Đ cầm đầu một đường dây, nhân thân xấu, bị cáo phải chịu trách nhiệm số tiền 489.458.000 đ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo còn phải nộp 160.280.000 đ trả cho người bị hại. Đến giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã nộp thêm được một phần như đã nêu trên. Tuy nhiên hành vi bị cáo nguy hiểm, số tiền khắc phục chỉ chiếm hơn 1/3 số tiền bị cáo còn phải bồi thường và chiếm 1/6 tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại. Hình phạt với bị cáo đã thấp, nên không có căn cứ giảm nhẹ thêm cho bị cáo.

Trần Trung H8 đứng đầu một đường dây, nhân thân xấu. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo ủng hộ 2 triệu đồng hoàn cảnh khó khăn, nhưng tình tiết giảm nhẹ mới không đáng kể, hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo thấp, đã thể hiện sự khoan hồng, nên giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Vũ Tiên D chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 358.242.000 đ. Mặc dù bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại nhưng lại đóng góp ủng hộ quỹ nơi khác. Hội đồng xét xử đánh giá tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo không đáng kể. Du đã được xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt, không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên hình phạt đối với bị cáo được giữ nguyên.

Đinh Minh H5 chịu trách nhiệm với số tiền 489.458.000 đ, bị cáo cùng Đ bồi thường thêm một phần cho người bị hại Ngọc A7. Lương Anh N chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 524.020.000 đ, bồi thường thêm cho người bị hại L19, G. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Đinh Minh H5, Lương Anh N có tình tiết giảm nhẹ mới, vai trò trong nhóm đều thứ yếu, nên chấp nhận đề nghị của người bị hại, người bào chữa giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Trịnh Tứ H2 chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 420.308.964 đ (của hai nhóm M1 và T11). Bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại. Bị cáo Trịnh Tứ H2 tuy là người chưa thành niên khi phạm tội nhưng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở hai nhóm khác nhau, nhóm của Trần Văn M1 và Nguyễn Bá T11. Khi tham gia vào nhóm của T11, M1 bị cáo rất tích cực, mặc cả với M1 chia lợi nhuận thì mới làm.

Bị cáo là người hướng dẫn các bị cáo mới vào để thực hiện hành vi lừa đảo. Bị cáo là người trực tiếp tư vấn để lừa bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo đã dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Dù có áp dụng Luật tư pháp người chưa thành niên nhưng hành vi bị cáo rất nguy hiểm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ giảm nhẹ thêm.

Bị cáo H9 sử dụng 100 tài khoản face book khác nhau để đăng tin. Khi vào làm thì M1 và Trịnh Tứ H2 đều nói với H9 là công việc chạy face book, đăng bài, bình luận với nội dung cho vay tiền để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. H9 biết cả nhóm đang thực hiện việc lừa đảo nhưng vẫn tự nguyện tham gia vào nhóm để kiếm tiền. H9 làm từ ngày 05/06/2023 đến khi bị bắt là 04/08/2023 (BL 4320). Bị cáo cũng biết nhóm của M1 được phân công chuyên biệt hóa mỗi người một nhiệm vụ. Bị cáo cũng trực tiếp giả danh cán bộ nhân viên ngân hàng A8 chi nhánh 2 miền, đảo nhau theo khách hỏi (BL 4323). Cách thức của nhóm là giả danh nhân viên ngân hàng của một số ngân hàng Nhà nước, nhận làm thủ tục cho vay tiền rồi chiếm đoạt tiền của khách. Các bị cáo lấy lý do là phải đóng phí làm hồ sơ, đóng phí bảo hiểm khoản vay, đóng phí khắc phục lỗi hệ thống để được giải ngân khoản vay...để bị hại tin tưởng chuyển tiền rồi chiếm đoạt. Bị cáo đã biết phương pháp, thủ đoạn của nhóm, tự nguyện tham gia vào nhóm của M1 thực hiện với vai trò đăng bài và giả danh cán bộ ngân hàng để chiếm đoạt tiền của bị hại (BL 4315- 4329). Trong nhóm của M1 còn có Vi Văn D6 và Trịnh Xuân T23, nhưng D6 thấy M1 lừa nhiều người, người bị hại khóc lóc gọi xin lại tiền nên D6 tự nghỉ. Còn T23 thì không làm việc chăm chỉ- tức là không chịu lừa nhiều người nên cũng tự nghỉ việc (BL 4364). Như vậy, cho thấy H9 và H2 tích cực tham gia vào việc lừa đảo cùng M1, và nếu không bị cơ quan công an bắt thì vẫn còn tiếp tục lừa đảo nhiều người khác.

Bị cáo V làm cho nhóm của Đ trong thời gian làm bị cáo còn về quê, nhưng ham hưởng lợi bất chính lại xuống làm. Khi làm với Đ; bị cáo H10, V, Hà P mỗi người phụ trách khoảng 200 tài khoản face book, được phổ biến công việc của nhóm cụ thể và được phân công việc, được dặn dò cẩn thận không được tiết lộ thông báo cho gia đình, bạn bè về công việc vị trí làm, không được phô trương, không được chụp ảnh đăng face book. Trong sinh hoạt hàng ngày không đi lại sang chơi các căn hộ khác, khi đi lại nhẹ nhàng tránh sự để ý của các cư dân khác, việc cư trú không khai báo với quản lý tòa nhà (BL 3718, 5847 trang 2). Hà P là người yêu Đ nên không hưởng lợi. Các bị cáo trong nhóm Đ làm cùng Đ ban đầu ở Tòa nhà S112 đến tháng 7/2023 khi nghi ngờ có người theo dõi, Đ đã chuyển địa điểm sang Tòa nhà S215 để đảm bảo bí mật, các bị cáo trong nhóm cũng sang theo.

Lò Duy V, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Thị Hà P, Nguyễn Đức H9 phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền lần lượt là: 284.740.000 đ, 270.800.000 đ,

270.800.000 đ, 224.411.000 đ. Các bị cáo đều chưa bồi thường cho người bị hại. Đỗ Văn T2 phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 1.039.845.000 đ, bị cáo đề nghị số tiền 20.000.000đ tiền truy nộp thừa để bồi thường cho người bị hại. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đỗ Văn T2, Trịnh Tứ H2, Nguyễn Đức H9, Lò Duy V, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Thị Hà P cùng với các bị cáo khác phạm tội với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như đã phân tích ở trên. Sau khi làm biết việc lừa đảo nhưng vẫn tiếp nhận sự phân công của trưởng nhóm. Mặc dù công việc lừa đảo đều làm qua mạng có thể làm từ xa, nhiều bị cáo có nhà ở Hà Nội, nhưng các bị cáo cả nam, cả nữ tụ tập ăn ở tập thể cùng nhau để chia sẻ hỗ trợ nhau thực hiện tội phạm và đảm bảo sự bí mật. Các bị cáo phạm tội nhiều lần, trong nhiều ngày chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại ở khắp nơi mà không giới hạn một địa phương nào.

Các bị cáo Đỗ Văn T2, Trịnh Tứ H2, Nguyễn Đức H9, Lò Duy V, Bùi Thị Thúy H10, điều kiện gia đình bị cáo phối hợp với chính quyền địa phương để giám sát giáo dục các bị cáo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự không đảm bảo. Tại phiên tòa ông C6 bố bị cáo H9 cũng thừa nhận cả bố mẹ đều bận đi làm không có thời gian quan tâm đến H9, H9 bỏ nhà đi ở nơi khác hai tháng gia đình không liên lạc được nhưng cũng không đăng thông tin tìm kiếm, không báo công an. Các bố mẹ của các bị cáo khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thậm chí báo điện thoại để nắm được lịch tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Điều này cho thấy lỗ hổng rất lớn trong trách nhiệm giáo dục giám sát của gia đình đối với các bị cáo. Trong vụ án này, khởi nguồn từ bị cáo S, nhưng các bị cáo đều có nhà ở những khu vực gần nhau, quen biết nhau nên sau một thời gian thấy kiếm lợi bất chính dễ dàng lại tự ra lập nhóm tội phạm riêng, lôi kéo thêm các bị cáo khác. Từ một nhóm mà lan ra thành nhiều nhóm lây lan như bệnh dịch, hành vi rất nguy hiểm. Các bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết tăng nặng tại điểm a, g khoản 1 Điều 52; chỉ có một tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Thời điểm các bị cáo phạm tội chưa 18 tuổi nhưng đến nay các bị cáo đều đã trên 18 tuổi, nên cần phải có một môi trường giáo dục nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm giáo dục riêng và là hồi chuông cảnh tỉnh răn đe phòng ngừa đối với diễn biến phức tạp có chiều hướng ngày càng gia tăng mức độ nguy hiểm và nghiêm trọng của loại tội phạm này. Các bị cáo phạm tội ở khoản 3, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, chấp nhận một phần đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi để giảm thêm cho các bị cáo một phần hình phạt. Giảm cho bị cáo T2 1 năm tù, các bị cáo Nguyễn Thị Hà P, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Đức H9, Lò Duy V được giảm nhẹ thêm một phần hình phạt còn 2 năm 6 tháng tù là xét xử xuống

khung hình phạt của khoản 1 Bộ luật Hình sự, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

Đối với trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Hà P do bị cáo có thai, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên cho bị cáo được hưởng án treo, đảm bảo chính sách nhân đạo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp một phần với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Số tiền bồi thường dân sự các bị cáo đã nộp hoặc đã trả trực tiếp cho bị hại, Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án, để được giảm trừ trong giai đoạn thi hành án. 3 bị hại tại giai đoạn sơ thẩm không yêu cầu trả lại tiền hay bồi thường thiệt hại đó là Sỳ Ngọc P6, Nguyễn Mai H42, Nguyễn Văn H43, tổng số tiền không yêu cầu bồi thường là 38.900.000 đ, nên S không phải bồi thường số tiền này. Trường hợp Trần Trung H8, bản án sơ thẩm đã buộc bị cáo phải truy nộp 50.282.000 đ là chưa chính xác, xét thấy bố bị cáo đã nộp thừa số tiền là 7.718.000 đ, nên cần trả lại cho bị cáo số tiền này, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348, điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Đức K. Quyết định về hình phạt đối với bị cáo K tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20/5/2025.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn S, Trần Văn Đ, Trần Trung H8, Trịnh Tứ H2, Vũ Tiến D. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Anh N; Đinh Minh H5, Đỗ Văn T2, Lò Duy V, Nguyễn Đức H9, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Thị Hà P; Giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, đối với các bị cáo Trần Văn S, Trần Văn Đ, Trần Trung H8, Trịnh Tứ H2, Vũ Tiến D. Sửa quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; đối với Lương Anh N;

Đinh Minh H5, Đỗ Văn T2, Lò Duy V, Nguyễn Đức H9, Bùi Thị Thúy H10, Nguyễn Thị Hà P; như sau:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn S** 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g, o khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 06/02/2024.

2.3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Trung H** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 22/12/2023.

2.4. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lương Anh N** 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/8/2023 đến ngày 29/12/2023

2.5. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90, Điều 91, Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn T** 07 (B9) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

2.6. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Minh H** 07 (B9) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 29/12/2023.

2.7. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Tứ H2** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

2.8. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Tiến D** 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 06/02/2024.

2.9. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Lò Duy V** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

2.10. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H9** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

2.11. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thúy H10** 02 (hai) năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 đến ngày 10/11/2023.

2.12. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 124, khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hà P** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hà P cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

3. Ghi nhận Trần Văn S đã bồi thường cho bà Đinh Thị B8 36.780.000 đ, bồi thường cho Bùi Thị N14 3.950.000 đ. 3 bị hại tại giai đoạn sơ thẩm không yêu cầu trả lại tiền hay bồi thường thiệt hại đó là Sỹ Ngọc P6, Nguyễn Mai H42, Nguyễn Văn H43, tổng số tiền là 38.900.000 đ, nên bị cáo S không phải bồi thường số tiền này. Bị cáo Đỗ Văn T2 bồi thường 20.000.000 đ cho những người bị hại (nhóm bị cáo Trần Văn S). Lương Anh N bồi thường cho bị hại L19 3.300.000 đ, bị hại G 4.650.000đ (nhóm bị cáo Trần Văn S). Trần Văn Đ đã bồi thường cho Nguyễn Thị Thanh H40 20.000.000 đ. Trần Thị Thanh H21 bồi thường cho Nguyễn Thị Thanh H40 27.208.000 đ. Trần Văn Đ và Đinh Minh H5 bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc A7 33.000.000 đ. Trần Văn Đ bồi thường cho Lê Hữu H41 32.800.000 đ. Trần Đức K đã nộp án phí sơ thẩm 200.000đ. Trả lại cho Trần Trung H8 7.718.000 đ (trong số 40.000.000 đ bố bị cáo nộp bồi thường cho người bị hại nhưng nộp thừa) nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn S, Trần Trung H8; Trịnh Tứ H2; Vũ Tiến D; Trần Văn Đ; phải nộp 200.000 đ án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo khác không phải nộp án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị Tòa án cấp phúc thẩm sửa, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- TTG - Công an tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua TTG, theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác (theo địa chỉ);
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến